Day & học

Số 2 – tháng 08 | 2018

TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC

BẨM SINH HAY NUÔI DƯỠNG?

ÁP LỰC KHIẾN TRẺ KÉM TỰ TIN

CÁI GIÁ CỦA NHỮNG LỜI KHEN VÔ HẠI

Nội san Dạy học | Day-hoc.org

https://tieulun.hopto.org

Day & học

TRONG SỐ NÀY

HỌC THẾ NÀO?

DUY TRÌ ĐỘNG LỰC CÓ CÁCH NÀO

NGOÀI PHẦN THƯỞNG 06

Hoàng Giang Quỳnh Anh tóm lược

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA TRÍ NHỚ VÀ ỨNG DỤNG

TRONG GIÁO DỤC 10

Ngô Huy Tâm

HỌC TẬP CHỦ ĐỘNG (P2) 16

Lê Thanh Hằng dịch

DẠY THẾ NÀO?

CÁI GIÁ CỦA NHỮNG LỜI KHEN VÔ HẠI 18

Trung Hà

ÁP LỰC KHIẾN TRẺ KÉM TỰ TIN. TẠI SAO?.....22

Ya-Hsin Lai | Ứng Tuấn Minh, Nguyễn Diệu dịch

GIÁO DỤC TÍCH CỰC: GIÁO DỤC

DỰA TRÊN ĐIỂM MẠNH..... 24

Nguyễn Minh Thành

CẢI TỔ GIÁO DỤC

CUỘC TRANH CÃI KINH ĐIỂN:

BẨM SINH HAY NUÔI DƯỠNG?.....28

Kendra Cherry | Chu Thị Như Trang dịch

GIÁ TRỊ CỦA TÌNH BẠN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC..... 32

Robert Michael Ruehl | Diệu Nguyễn dịch

https://tieulun.hopto.org

GIỚI THIỆU SÁCH

KHAI SINH NHÀ ĐỔI MỚI

CREATING INNOVATORS 36

Tony Wagner, 2012 | Hoàng Anh Đức giới thiệu

TỪ THỰC ĐỊA

CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIÁO VIÊN

HỘI ĐỒNG ANH 38

Đặng Thanh Giang Tổng hợp

https://tieulun.hopto.org

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích…

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:
- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**

"Cảm ơn những người hùng bản địa (local champions) như các bạn! Tôi nghĩ rằng một ấn phẩm với định hướng thực hành như Dạy & Học có thể đem lại ảnh hưởng lớn, không chỉ ở những lời khuyên thực tế dành cho giáo viên, mà còn giúp nâng cao vị thế nghề nghiệp và cách mà giáo viên suy nghĩ về bản thân và công việc của mình."

- TS Daniel Gray Wilson,
Giám đốc Đề án Số không,
Trường Giáo dục Harvard

https://tieulun.hopto.org

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Nhờ vào sự động viên, chia sẻ của quý vị mà ***Dạy & Học*** số đầu tiên đã có được hơn 12,000 độc giả. Bên cạnh đó, Ban Biên tập còn nhận được hơn 500,000VNĐ ủng hộ và 2 bức thư xin gia nhập đội ngũ Ban Biên tập Lộn xộn. Thật là những con số ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi!

Công nghệ và Giáo dục là hai từ khoá rất nóng hổi đã được mượn tạm để tập san số 1 chào đời. Chắc chắn rằng trong khuôn khổ 40 trang của số đầu tiên, chúng tôi không thể truyền tải hết được sức nóng của hai từ khoá này. Tất nhiên, chúng tôi cũng chẳng thể làm bớt được một cơn khát nào, dù là nhỏ nhất.

Trái ngược với từ khoá có vẻ hiện đại của số đầu. Trong số này, chúng tôi lấy chủ đề Tâm lý học Giáo dục làm trọng tâm. Mở màn bằng "những lời khen vô hại", "áp lực lên trẻ nhỏ", chúng ta sẽ đến với một cách tiếp cận tích cực "Giáo dục dựa trên điểm mạnh".

Cuộc chiến giữa "Bẩm sinh và nuôi dưỡng" có vẻ như bớt cam go hơn khi đặt bên cạnh bức tranh về "Giá trị của tình bạn". Phần tiếp theo của bài "Học tập chủ động" tóm lược một số hoạt động nhỏ xinh mà chúng ta có thể vận dụng tùy nghi. Cuối cùng, những ai luôn trăn trở về những thay đổi và cải cách có thể đến với tựa sách "Khai sinh nhà đổi mới" được giới thiệu ở cuối số này.

Kính chúc quý vị có khoảng thời gian thú vị,

Thay mặt **Ban Biên tập Lộn xộn**,

Hoàng Anh Đức

DOTANK

https://tieulun.hopto.org

DUY TRÌ ĐỘNG LỰC HỌC TẬP: CÓ CÁCH NÀO KHÁC NGOÀI PHẦN THƯỞNG?

Eric Jensen[1]
Hoàng Giang Quỳnh Anh *tóm lược*

Phần thưởng dường như giống vô số việc. Có thể bạn chỉ muốn kích hoạt sự tò mò tự nhiên của sinh viên để họ có thể học. Làm cho nội dung trở nên phù hợp hơn bằng cách kết nối nó với cuộc sống của sinh viên luôn luôn là cách thông minh nhưng điều này không có nghĩa là tạo nên kết nối mới đến não là tốt. Nhiệm vụ phải liên quan đến hành vi của người học (Ahissar et al., 1992)[2], đó là lí do tại sao bộ não không thích ứng với các nhiệm vụ vô nghĩa. Yêu cầu người học cảm nhận về một dự án sắp tới, họ sẽ nói rằng nó thật ngu ngốc. Cảm xúc của họ gặp vấn đề lớn. Có thể một sự thay đổi đơn giản trong dự án sẽ làm cho nó có giá trị. Trong quá trình thực hiện dự án, hãy thêm phản hồi và giải thích cho các giai đoạn.

Cho dù bạn có thể kích hoạt được động lực nội sinh một cách dễ dàng hoặc không phụ thuộc vào sinh viên cũng như mức độ kỹ năng của chính bạn. Có nhiều yếu tố góp phần thúc đẩy động lực – chỉ có một vài yếu tố bạn có thể kiểm soát được. Nhưng các kỹ năng của bạn trong việc sắp xếp môi trường tốt – ít căng thẳng và thử thách cao – là rất quan trọng. Đối với nhiều người, động lực nội sinh là một nơi khó có thể truy cập. Tuy nhiên, cũng có một vài gợi ý.

Gợi ý thực tế

Dưới đây là một số cách để xây dựng động lực nội sinh của sinh viên

- Đảm bảo sinh viên có một mô hình quá trình để theo dõi tiến độ hoặc có một mục đích cuối cùng mạnh mẽ.
- Đảm bảo sinh viên có đủ các công cụ học tập mà họ cần.
- Cung cấp nhiều sự khích lệ, không phải là một phần thưởng trực tiếp.
- Cho phép sinh viên lựa chọn bài tập – cho những điều nhỏ nhất cũng như những điều lớn hơn.

1 Jensen, E. (2005). *Teaching with the brain in mind.* ASCD.

2 Ahissar, Merav, et al. "Encoding of sound-source location and movement: activity of single neurons and interactions between adjacent neurons in the monkey auditory cortex." *Journal of Neurophysiology* 67.1 (1992): 203-215.

https://tieulun.hopto.org

- Đóng vai trò niềm vui học tập
- Cung cấp các trải nghiệm liên quan.
- Đảm bảo nội dung có liên quan.
- Cho phép sinh viên trờ thành một phần của nhóm thành công.
- Tăng phản hồi cho người học.
- Đồng ý dành nhiều thời gian cho trạng thái "dòng chảy", khi người học hăng say trong việc học và quên mất thời gian
- Xây dựng chương trình học việc
- Mời sinh viên tốt nghiệp chia sẻ những câu chuyện thành công

Lựa chọn thay thế phần thưởng

Một cách khác để hiểu về trạng thái cảm xúc là thông qua lăng kính của động lực và sự cam kết. Những trạng thái tích cực xuất hiện khi chúng có ở trong trạng thái cảm xúc tâm trí-tình cảm cụ thể. Phát hiện chính trong lịch sử của khoa học thần kinh là các hành vi bên ngoài bằng cách nào đó có liên quan đến quá trình bên trong của não. Hàng triệu tế bào thần kinh phối hợp để hình thành một hệ thống tín hiệu phức tạp, đại diện cho những hành vi mà ta gọi là "trạng thái". Đây là nguyên nhân tương tự như cách mà gió, ánh nắng và độ ẩm kết hợp với nhau hình thành nên một mô hình khí quyển phức tạp mà ta gọi là "thời tiết". Trạng thái tạo nên các điều kiện "thời tiết" trong não tại mỗi thời điểm. Bạn có thể thấy rằng tất cả chúng ta đều trải qua sự thay đổi của trạng thái (trừ khi đang ở trong trạng thái hôn mê). Trạng thái thay đổi cảm giác của chúng ta (như đói, mệt mỏi, ngứa), cảm xúc (như tội lỗi, hạnh phúc, lo lắng) và suy nghĩ (như lạc quan, cả tin, tập trung) kết hợp và tái kết hợp cùng một lúc. Nhưng trạng thái không phải là vô hình như chúng ta từng nghĩ, thay vào đó, chúng có thể định lượng, rất thực tế và chắc chắn nhận biết được (Bechara et al., 1994)[3].

Trạng thái có ảnh hưởng gì tới động lực và sự cam kết? Với động lực, trạng thái kết hợp các tương tác cảm xúc, nhận thức và tương tác vật lý cho phép cho chúng ta thực hiện tất cả các quyết định. Gợi lên trạng thái cảm xúc cụ thể cho phép người học cảm thấy tự do hơn để tạo nên những khám phá mới. Các trạng thái được khích hoạt thường xuyên, thay đổi nhanh chóng, các mạng lưới thần kinh đặc trưng thường kết hợp nhiều khu vực của não bộ. Hàng nghìn, hàng triệu tế bào thần kinh tạo nên sự kết hợp tích hợp tâm trí, cơ thể và cảm xúc là những trạng thái của bạn. Những hệ thống này nằm bên trong não bộ và cơ thể chúng ta không thể tách rời nhau.

Ngạc nhiên thay, các trạng thái đang chuyển mục tiêu, liên tục biến động mạnh bởi tính nhạy cảm cao đối với môi trường bên trong và bên ngoài. Điều này là hợp lý để mô tả các trạng thái như là "các đặc tính rõ nét" của bộ não tự tổ chức của con người bởi vì chúng luôn ở trong một trạng thái (Grigsby & Stevens, 2000)[4]. Mặc dù bạn có thể trải nghiệm trạng thái của chính bạn ổn định tại một thời điểm nhất định, nó luôn luôn là quá trình củng cố, giảm thiểu hoặc chuyển sang trạng thái khác. Trong thực tế, đa số các trạng thái là các tâm trạng cơ sở, chiếm vị trí thứ yếu mà chúng ta hầu như không ý thức được. Tuy nhiên, chúng dễ được nhận thấy khi ta dừng lại, lắng nghe và đồng cảm với chúng.

Thực tế, tất cả điều này phải thực hiện với động lực và cam kết? Tất cả hành vi bạn muốn từ sinh viên đến từ một nhóm các trạng thái tiềm năng. Nếu tôi bị đe dọa bởi súng, cuộc sống của tôi đang gặp nguy hiểm. Tôi sẽ không cảm thấy lãng mạn khi nghĩ về vợ tôi trong thái đó. Tương tự, trong lớp học, một sinh viên ở trong trạng thái "Bạn không thể tác động lên tôi và tôi không muốn điều đó" sẽ không thích tham gia

3 Bechara, A., Damasio, A. R., Damasio, H., & Anderson, S. W. (1994). Insensitivity to future consequences following damage to human prefrontal cortex. *Cognition*, *50*(1-3), 7-15.

4 Grigsby, J., & Stevens, D. (2000). *Neurodynamics of personality*. Guilford Press.

https://tieulun.hopto.org

nhiều. Trong một trạng thái khác, chính học sinh đó sẽ sẵn sàng tham gia vào lớp học. Vì vậy, có một mục tiêu mới: Đưa sinh viên đến trạng thái thích hợp trước, trong một nhóm các hành vi tiềm năng tốt hơn. Sau đó thay đổi hành vi để trở thành có thể.

Hướng tiếp cận này cho thấy sự khác nhau dẫn đến vấn đề này của động lực và cam kết – điều này thực sự là một vấn đề của quản lý trạng thái. Bạn có thể đoán và quản lý trạng thái sinh viên như thế nào? Trước hết đọc được trạng thái là quan trọng. Nếu bạn thấy sinh viên ở trong trạng thái thờ ơ, hãy nhớ sinh viên đó có thể xuất phát ở một trạng thái khác, như là thất vọng. Khi một giảng viên không đối phó được với sự thất vọng, sinh viên có thể trở nên giận dữ (đi đến trạng thái thay thế) hoặc ngắt kết nối (đi vào trạng thái thờ ơ). Điều này chỉ ra rằng khá dễ dàng để tạo ra nỗ lực nhận thức được các trạng thái như thất vọng hơn là đối phó với giận dữ. Đọc trạng thái của sinh viên không ngừng. Chúng sẽ cho bạn biết những gì đang diễn ra nếu bạn chú ý.

Một khi bạn đọc được trạng thái, bạn nên tự hỏi chính mình câu hỏi: Liệu trạng thái tôi đang nhận thấy có thích hợp với hành động tiếp theo (hành vi mục đích) mà tôi muốn? Nếu không, bạn có một giải pháp tiềm năng: Thay đổi trạng thái trước, sau đó thay đổi trong hành vi sẽ dễ dàng hơn. Ví dụ: Nếu bạn muốn yêu cầu sinh viên thực hiện một hoạt động, trước hết đặt họ trong trạng thái chủ động. Trước hết có thể tạo hàng dài hoặc di chuyển, sau đó yêu cầu họ hình thành nhóm trong khi họ dừng lại. Trong trạng thái đứng yên, sinh viên có thể sẽ muốn làm điều gì đó tương tự với nó.

Trong những năm qua, nhiều nhà giáo dục học đã tranh luận về vai trò của lựa chọn bổ sung trong quá trình học tập. Rõ ràng, lựa chọn quan trong đối với những sinh viên lớn tuổi hơn là sinh viên trẻ tuổi, nhưng tất cả chúng ta đều thích điều đó. Đặc tính quan trọng là sự lựa chọn phải được coi như là lựa chọn sự lựa chọn. Nếu bạn chọn ra 10 điều mà không phải là 11, bạn phải lấy 10 điều đầu tiên để công nhận và càu nhàu về điều thứ 11. Nhiều giảng viên hiểu biết cho phép sinh viên kiểm soát các khía cạnh của việc học tập, nhưng họ cũng giảng dạy để tăng nhận thức của sinh viên để kiểm soát điều đó. Giảng viên vẫn âm thầm lựa chọn những quyết định phù hợp cho sinh viên để kiểm soát, sinh viên sẽ cảm thấy tốt hơn khi các ý kiến của mình có giá trị. Trong lớp học khác, sinh viên có thể đóng vai trò lớn tạo nên quyết định nhưng vẫn tin rằng giảng viên đang lựa chọn cho họ. Bí mật là gì? Chỉ ra sự lựa chọn bất cứ khi nào bạn có thể "Tôi có một ý tưởng! Sẽ thế nào nếu tôi chưa cho bạn sự lựa chọn hơn là những điều cần làm tiếp theo? Bạn muốn lựa chọn A hoặc B không?"

Các công cụ khác cho động lực

Hãy nhớ rằng, ở các trạng thái lý tưởng, động lực và cam kết dễ dàng đạt được hơn bạn có thể hình dung. Nếu bạn nhận được một lời cầu hôn, một trạng thái nhất định nào đó có thể dẫn bạn đến câu trả lời Có. Nhưng trong một trạng thái khác (không lãng mạn), bạn có thể dễ dàng trả lời Không. Điều này là do: các trạng thái là môi trường thể chất tạo nên quyết định. Nếu bạn nghĩ bạn sẽ nhận được một phản ứng tiêu cực cho hành động tiếp theo bạn muốn sinh viên làm, hãy thay đổi trạng thái của họ trước. Sau đó yêu cầu họ thực hiện hoạt động trong khi họ đang ở trong trạng thái tốt để nói Có.

Gợi ý thực tế

Một vài cách để thay đổi trạng thái sinh viên:

- *Loại bỏ các mối đe dọa.* Sử dụng các nhóm thảo luận nhỏ hoặc khảo sát ẩn danh lớp học để hỏi sinh viên về điều làm cho trường học không được thoải mái và hài lòng, và cái gì làm cho việc học trở nên hiệu nghiệm và thú vị. Có thể có một bình luận tiêu cực, chiến lược kỷ

https://tieulun.hopto.org

luật "giữ điểm", sự mỉa mai, chế nhạo không mong đợi, thiếu nguồn lực, thời hạn không khoan nhượng, và rào cản văn hóa hoặc ngôn ngữ.

- *Thiết lập mục tiêu hàng ngày kết hợp với vài sự lựa chọn của sinh viên.* Chiến lược này có thể cung cấp một thái độ tập trung hơn. Chuẩn bị cho sinh viên một chủ đề "hóc búa" hoặc một câu chuyện cá nhân để châm mồi cho sự thích thú của họ, điều này sẽ giúp đảm bảo nội dung có liên quan đến họ.
- *Làm việc để có một ảnh hưởng tích cực.* Làm điều này bằng mọi cách mà bạn có, một cách đầy biểu tượng và cụ thể. Đừng quên niềm tin của sinh viên về chính họ và việc học. Việc gây ảnh hưởng tích cực bao gồm việc sử dụng các câu khẳng định, công nhận thành tích của sinh viên, đưa ra các tín hiệu không lời tích cực, khuyến khích làm việc nhóm.
- *Quản lý cảm xúc của sinh viên và dạy họ cũng làm như vậy.* Một cách tiếp cận tốt liên quan đến việc sử dụng hiệu quả các nghi lễ, kịch, phong trào và lễ tôn vinh. Sử dụng các trao đổi tích cực có cấu trúc để quản lý trạng thái. Nếu sinh viên ở trong trạng thái tiêu cực, cung cấp cho họ một chủ đề để đồng ý cho họ thể hiện bản thân và hướng sự tập trung của họ đến điều tích cực hơn. Âm nhạc và các hoạt động là cách làm xuất sắc để ảnh hưởng hoặc thay đổi trạng thái của sinh viên, như đi bộ ngắn, các câu chuyện tốt, kéo dài thời gian, trò chơi và đi chơi. Nói cách khác, sử dụng mỗi công cụ theo ý bạn để tác động đến trạng thái của sinh viên.
- *Cung cấp các chương trình giảng dạy và các hoạt động liên quan.* Cả hai đều đặc biệt cần thiết để giữ được động lực. Khi sinh viên được tham gia tích cực đến vấn đề họ quan tâm, động lực sẽ gần như tự động. Lựa chọn cũng có thể và nên là một phần của chiến lược này
- *Cung cấp phản hồi.* Đó là một trong những nguồn lực lớn nhất của động lực nội sinh. Thiết lập việc học tập để sinh viên có thể tự xây dựng và quản lý phản hồi. Máy tính thực hiện điều này rất hoàn hảo, nhưng cũng cần thiết kế dự án tốt, làm việc nhóm, danh sách kiểm tra, bài thuyết trình ấn tượng. biên tập đồng đẳng và các bảng tiêu chí.

Tóm lại, các nghiên cứu giúp ta hiểu rằng một phần của các vấn đề động lực là cách ta đối xử với sinh viên. Họ không phải công nhân nhà máy cần được thúc giục, tán tỉnh và thúc đẩy bởi hối lộ, quản lý hay đe dọa. Thay vì hỏi "Tôi có thể thúc đẩy sinh viên như thế nào?", hãy hỏi "Não được thúc đẩy tự nhiên bằng cách nào?". Bây giờ bạn đã biết: Phần thưởng là tự nhiên đối với não, và trạng thái quy định động lực và hành vi. Bắt đầu bằng một chương trình đào tạo thích hợp đầy ý nghĩa và phát triển, thêm vào các lựa chọn của người học và các nhóm xã hội tích cực. Tạo ra các thử thách, xây dựng môi trường hỗ trợ với những xu hướng hấp dẫn và thoát khỏi lối mòn!

> Hãy nhớ rằng, ở các trạng thái lý tưởng, động lực và cam kết dễ dàng đạt được hơn bạn có thể hình dung.

https://tieulun.hopto.org

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA TRÍ NHỚ & ỨNG DỤNG TRONG GIÁO DỤC

Ngô Huy Tâm

© geralt

Để trở thành một giáo viên hiệu quả, điều đầu tiên là bạn phải xác định và áp dụng một phương pháp giảng dạy cụ thể. Tuy nhiên, bạn cũng cần phải hiểu việc học tập của học sinh được giải thích thế nào dựa trên nền tảng các nghiên cứu khoa học. Đôi khi, nhiều nhà giáo tập trung quá nhiều vào cách dạy học mà lại không quan tâm nhiều đến việc "học" diễn ra thế nào ở học sinh. Xem xét kỹ hơn các quy trình nhận thức để hiểu cách con người học hỏi có thể giúp đảm bảo rằng phương pháp giảng dạy của bạn có hiệu quả nhất có thể trong việc tiếp cận sinh viên, học sinh của bạn.

Để bắt đầu giải quyết câu hỏi này, bài viết sẽ xem xét đến bộ nhớ của con người, nền tảng của sự hiểu biết và hiệu suất của học sinh. Các quy trình nhận thức cho phép giải quyết vấn đề, mã hóa, truy xuất, lưu giữ và nhớ lại kiến thức trong bộ nhớ sẽ được phân tích. Thông qua nội dung này, bạn sẽ có được sự hiểu biết tốt hơn về "học", và cách tốt nhất để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của bạn để tạo thuận lợi cho học sinh học tập và hiểu.

Lý thuyết "Quá trình kép của nhận thức"

Thử nghĩ lại thời gian khi bạn học một kỹ năng mới, chẳng hạn như lái xe, đi xe đạp hoặc đọc sách. Khi bạn lần đầu tiên học được kỹ năng này, thực hiện nó là một quá trình chủ động nhận thức, trong đó bạn phân tích và nhận thức sâu sắc về mọi hành động của mình. Quá trình phân tích này cũng có nghĩa là bạn suy nghĩ cẩn thận về lý do hành động bạn đang thực hiện. Bạn hiểu làm thế nào để các bước đơn lẻ này phối hợp với nhau thành một kỹ năng tổng thể. Tuy nhiên, khi sự thành thục của bạn được cải thiện, việc thực hiện kỹ năng không còn là một quá trình đòi hỏi nhận thức mà thay vào đó trở nên thành bản năng tự động hơn. Khi bạn tiếp tục hoàn thiện kỹ năng, bạn hoàn toàn có thể thực hiện đồng thời nhiều hoạt động cùng một lúc. Đây là do kiến thức của bạn về kỹ năng hoặc quá trình này đã được nằm ở tiềm thức trong trí nhớ.

https://tieulun.hopto.org

Làm thế nào để tư duy hệ thống 1 và hệ thống 2 liên quan đến việc dạy và học? Trong bối cảnh giáo dục, Hệ thống 1 liên quan đến việc ghi nhớ và gợi nhớ lại thông tin, trong khi Hệ thống 2 thiên nhiều về suy nghĩ, tư duy, phân tích hoặc phê phán hơn.

Như đã đề cập ở trên, Hệ thống 1 có đặc trưng là việc nhớ lại kiến thức kỹ năng diễn ra vô cùng nhanh chóng nhờ dạng vô thức của thông tin đã được ghi nhớ trước đó. Các hoạt động trong lớp học sẽ tập trung rất nhiều vào Hệ thống 1 (Ví dụ: bảng cửu chương, cũng như các câu hỏi thi trắc nghiệm chỉ cần sự gợi nhớ chính xác lại thông tin từ một nguồn cụ thể như sách giáo khoa). Những loại bài tập này không yêu cầu học sinh phải tích cực phân tích thông tin. Tư duy hệ thống 2 trở nên cần thiết khi sinh viên phải làm các hoạt động và bài tập yêu cầu họ cung cấp giải pháp mới cho một vấn đề, tham gia tư duy phê phán hoặc áp dụng khái niệm bên ngoài những gì được học.

Tuy nhiên, không thể nói việc học tập ở cấp tiểu học sẽ chỉ dùng hệ thống 1, hay khi học cấp cao hơn thì chỉ dùng hệ thống 2. Điều quan trọng cần lưu ý là tư duy thành công của Hệ thống 2 phụ thuộc vào rất nhiều vào hoạt động suy nghĩ của Hệ thống 1. Nói cách khác, tư duy phê phán đòi hỏi rất nhiều kiến thức được ghi nhớ và các đánh giá trực quan, tự động được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Các phần sau trong bài viết này sẽ mô tả cách bộ nhớ của con người xử lý Hệ thống 1 như thế nào và cách áp dụng chúng vào ngữ cảnh học tập.

Bộ nhớ hoạt động như thế nào?

Trong hình thức đơn giản nhất của nó, bộ nhớ đề cập đến quá trình tiếp tục duy trì thông tin theo thời gian. Nó là một phần không thể thiếu trong nhận thức của con người, vì nó cho phép các cá nhân nhớ lại và rút ra các sự kiện trong quá khứ để hình thành sự hiểu biết và hành vi của họ trong hiện tại. Bộ nhớ cũng cung cấp cho cá nhân một khuôn khổ để hiểu sự kiện hiện tại và tương lai. Như vậy, trí nhớ đóng một vai trò quan trọng trong việc dạy và học, như đã đề cập trước đó trong bài viết này.

Phần này bao gồm mô tả các quy trình cơ bản để hình thành bộ nhớ, cũng như cách các quy trình này có thể được cải thiện hoặc tối ưu hóa.

Mã hóa, lưu trữ và truy xuất

Có ba quy trình chính mô tả cách hoạt động của bộ nhớ. Các quy trình này là mã hóa, lưu trữ và truy xuất (hoặc nhớ lại):

Mã hóa

Mã hóa đề cập đến quá trình thông qua đó thông tin được "học". Đó là, cách thông tin được đưa vào bộ nhớ, qua đó được hiểu và tùy chỉnh để lưu trữ tốt hơn. Thông tin thường được mã hóa thông qua một (hoặc nhiều) trong bốn phương pháp:

1. Mã hóa hình ảnh qua thị giác
2. Mã hóa âm thanh qua thính giác
3. Mã hóa ngữ nghĩa (ý nghĩa của cái gì đó); và
4. Mã hóa cảm giác (cảm giác như thế nào).

Mặc dù thông tin thường đi vào hệ thống bộ nhớ thông qua một trong các chế độ này, dạng thông tin được lưu trữ có thể khác với hình thức được mã hóa ban đầu của nó. (Ví dụ khi ngửi thấy mùi bánh thì lại nhớ đến hình ảnh của chiếc bánh đó)

> Khi sự thành thục của bạn được cải thiện, việc thực hiện kỹ năng không còn là một quá trình đòi hỏi nhận thức mà thay vào đó trở nên thành bản năng tự động hơn

https://tieulun.hopto.org

Dung lượng lưu trữ

Lưu trữ đề cập đến cách thức, vị trí, dung lượng thông tin được mã hóa được giữ lại trong hệ thống bộ nhớ. Mô hình phương thức bộ nhớ (lưu trữ) mô tả sự tồn tại của hai loại bộ nhớ: bộ nhớ ngắn hạn và dài hạn. Thông tin được mã hóa đầu tiên được lưu trữ trong bộ nhớ ngắn hạn và sau đó, nếu cần, được lưu trữ trong bộ nhớ dài hạn.

Loại thông tin phổ biến nhất là thông tin âm thanh được mã hóa chủ yếu được lưu trữ trong bộ nhớ ngắn hạn (STM), và nó chỉ được giữ ở đó thông qua sự lặp lại liên tục (học thuộc lòng). Thời gian kéo dài và sự mất tập trung có thể khiến thông tin được lưu trữ trong STM bị lãng quên ngay lập tức. Đây là vấn đề rất nhiều học sinh gặp phải khi đi thi Nghe trong các kỳ thi như IELTS, TOEFL. Điều này là do thời lượng bộ nhớ ngắn hạn chỉ kéo dài từ 15 đến 30 giây. Ngoài ra, STM chỉ lưu trữ từ năm đến chín mục thông tin, với bảy mục là số trung bình. Trong ngữ cảnh này, thuật ngữ "mục thông tin" có nghĩa là bất kỳ thông tin nào. Tuy nhiên, bộ nhớ dài hạn (LTM) lại có dung lượng lưu trữ khổng lồ và thông tin được lưu trữ trong LTM có thể được lưu trữ ở đó vô thời hạn. Thông tin được mã hóa ngữ nghĩa chủ yếu được lưu trữ trong LTM. Đây là lý do chúng ta hay nói "phải hiểu thì mới nhớ lâu được", tuy nhiên, LTM cũng lưu trữ cả thông tin được mã hóa bằng hình ảnh và âm thanh. Một khi thông tin được lưu trữ trong LTM hoặc STM, chúng cần phải được "tìm" và gợi nhớ lại để chúng ta có thể sử dụng. Đây là quá trình truy

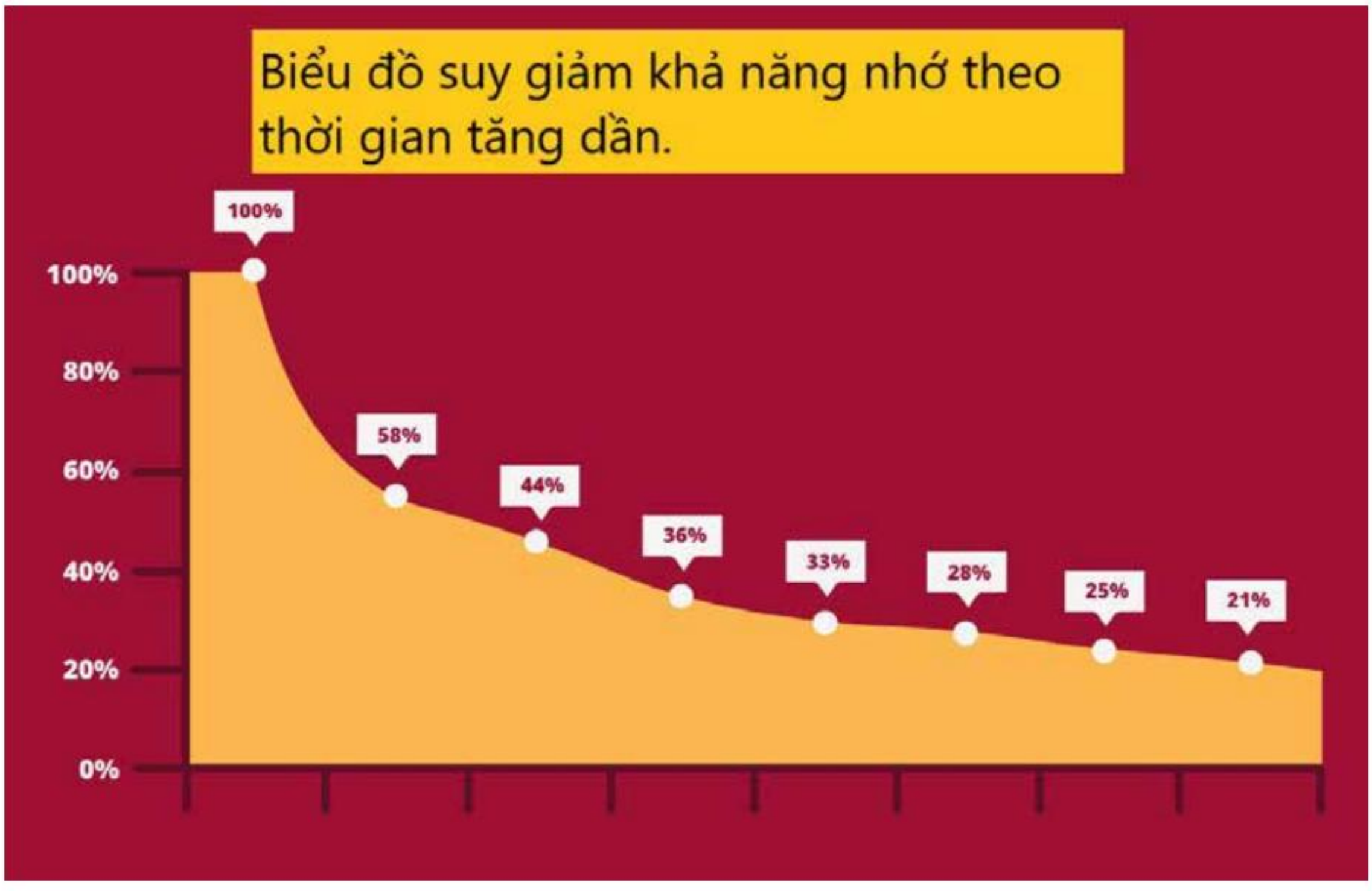

https://tieulun.hopto.org

xuất thông tin từ bộ nhớ mà giáo viên thường sử dụng để xác định mức độ hiệu quả học của học sinh đối với các bài tập được thiết kế để kiểm tra việc "thuộc, và nhớ".

Truy xuất

Như được chỉ ra ở trên, truy xuất là quá trình mà qua đó các cá nhân truy cập thông tin được lưu trữ. Do sự khác biệt của chúng, thông tin được lưu trữ trong STM và LTM được truy xuất khác nhau. Trong khi STM được truy xuất theo thứ tự lưu trữ (ví dụ, một danh sách các số), LTM được truy xuất thông qua một loạt các thông tin, dữ liệu, kiến thức có mối liên hệ, liên kết theo một trình tự logic nhất định. Ví dụ, ghi nhớ ng-hĩa tự vựng tiếng Anh: Converse (nói chuyện) khác Talk (cũng dịch là nói chuyện) ở logic từ vựng: "Con" là tập trung, "Verse": một câu nói. Vậy converse là tập trung lại để nói, ám chỉ phải có 2 người trở lên, còn Talk thì chỉ mang nghĩa "nói" chung chung.

Cải thiện Nhớ

Việc truy xuất thông tin trong bộ nhớ hay bị "lỗi", bởi thông tin được lưu trữ thường bị mất theo thời gian do cơ chế tự nhiên của não bộ chúng ta là "cố quên" chứ không phải "cố nhớ". Năm 1885, Hermann Ebbinghaus tiến hành một thí nghiệm, trong đó ông đã thử khả năng của các cá nhân trong việc nhớ một danh sách những âm tiết vô nghĩa trong khoảng thời gian ngày càng dài. Sử dụng kết quả thí nghiệm của mình, ông đã tạo ra " Biểu đồ suy giảm khả năng nhớ theo thời gian tăng dần" của Ebbinghaus.

Thông qua nghiên cứu của mình, Ebbinghaus kết luận rằng tốc độ mà bộ nhớ của bạn (những thông tin mới học được) phân rã phụ thuộc vào thời gian trôi qua sau trải nghiệm học tập của bạn cũng như khả năng nhớ của bạn mạnh đến mức nào. Một số mức độ phân rã bộ nhớ là không thể tránh khỏi (như được thấy trong Hình), vì vậy, với tư cách là một nhà giáo dục, làm thế nào để bạn giảm ảnh hưởng của sự "mất trí"này? Các phần sau đây trả lời câu hỏi này bằng cách xem xét cách cải thiện việc nhớ trong môi trường học tập, thông qua các kỹ thuật dạy và học khác nhau.

Kỹ thuật giảng dạy để cải thiện việc "Nhớ"

Là một giáo viên, điều quan trọng là phải nhận thức được các kỹ thuật mà bạn có thể sử dụng để giúp học sinh lưu giữ và nhớ lại thông tin tốt hơn. Ba kỹ thuật thường được áp dụng là: là hiệu ứng Bài kiểm tra, Hiệu ứng khoảng trống, và Kỹ thuật nhớ xen kẽ.

- Hiệu ứng Bài kiểm tra.

Trong hầu hết các môi trường giáo dục truyền thống, các bài kiểm tra thường được coi là một phương pháp đánh giá định kỳ nhưng không thường xuyên để giúp giáo viên hiểu được học sinh của mình đã học được những gì. Tuy nhiên, nghiên cứu hiện đại trong tâm lý học cho thấy rằng các bài kiểm tra nhỏ, thường xuyên cũng là một trong những cách tốt nhất. Hiệu ứng kiểm tra đề cập đến quá trình tích cực và thường xuyên kiểm tra lưu giữ bộ nhớ khi học thông tin mới. Bằng cách khuyến khích sinh viên thường xuyên nhớ lại thông tin mà họ đã học gần đây, bạn đang giúp họ giữ lại thông tin đó trong bộ nhớ dài hạn, mà họ có thể rút ra ở giai đoạn sau của trải nghiệm học tập. Là lợi ích thứ cấp, kiểm tra thường xuyên cho phép cả giáo viên và học sinh theo dõi những gì học sinh đã học về một chủ đề, và những gì các em cần phải sửa đổi để đạt mục tiêu học tập. Kiểm tra thường xuyên có thể thực hiện tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình học tập. Ví dụ, ở phần cuối của một bài giảng hoặc hội thảo, bạn có thể cho học sinh của bạn một bài kiểm tra ngắn, các câu hỏi không tính điểm, câu hỏi mở để yêu cầu học sinh chủ động nhớ những gì họ đã học ngày hôm đó, hoặc ngày hôm trước. Loại bài kiểm tra này sẽ không chỉ cho bạn biết những kiến thức nào sinh viên của bạn đã nhớ, mà còn giúp học sinh nhớ được nhiều hơn.

https://tieulun.hopto.org

- Hiệu ứng khoảng trống.

Theo hiệu ứng khoảng trống, khi một học sinh liên tục học và nhớ một thông tin cụ thể trong một khoảng thời gian dài liên tục (ít khoảng trống ở giữa), họ có nhiều khả năng giữ lại thông tin đó. Điều này ngược với học "nhồi" trong một khoảng thời gian ngắn (ví dụ, học một ngày trước kỳ thi) khi "khoảng trống" giữa thời gian học và thời gian cần truy xuất kiến thức là quá dài. Là một giáo viên, bạn cần hiểu cách tiếp cận này để học sinh của bạn không có "khoảng trống" quá dài trong việc học tập. Ví dụ, thay vì giới thiệu một chủ đề mới và các khái niệm liên quan của nó cho sinh viên trong một lần, bạn có thể bao gồm chủ đề trong các phân đoạn qua nhiều bài học

- Kỹ thuật Xen kẽ

Kỹ thuật xen kẽ là một cách tiếp cận dạy và học khác đã được giới thiệu như là một kỹ thuật thay thế cho kỹ thuật được gọi là "chặn". Chặn liên quan đến thời điểm học sinh chỉ thực hành một kỹ năng hoặc học một chủ đề tại một thời điểm, sau đó bị "chặn", rồi mới chuyển sang phần khác. Xen kẽ, mặt khác, là khi học sinh thực hành nhiều kỹ năng có tính liên quan liên kết trong cùng một chủ đề, nội dung. Kỹ thuật này đã được chứng minh là thành công hơn so với kỹ thuật chặn truyền thống trong các lĩnh vực học tập khác nhau

Các kỹ thuật học tập để cải thiện việc "Nhớ"

Điều quan trọng là sinh viên phải biết các kỹ thuật mà họ có thể sử dụng để cải thiện việc "nhớ" của mình. Phần này chúng ta sẽ xem xét bốn kỹ thuật: bộ nhớ phụ thuộc vào trạng thái, lược đồ, chunking và thực hành có chủ ý.

- Bộ nhớ phụ thuộc vào trạng thái

Bộ nhớ phụ thuộc vào trạng thái là kỹ thuật đưa bản thân về lại cùng trạng thái mà trong đó bạn đã học được một thông tin. Trong trường hợp này, "trạng thái" đề cập đến môi trường xung quanh của một cá nhân, cũng như trạng thái tinh thần và thể chất của họ tại thời điểm học tập. Một ví dụ cụ thể, kỳ thi IETLS thường diễn ra vào buổi sáng từ 9h đến 11h. Để ôn luyện cho kỳ thi, các bạn cần ôn luyện vào đúng khung giờ này, tại môi trường giống như kỳ thi thật, để khi vào phòng thi, môi trường trạng thái giống lúc ôn thi sẽ giúp các bạn "nhớ" tốt hơn.

- Các lược đồ, "bản đồ tư duy"

Các lược đồ đề cập đến các "bản đồ tư duy" mà một cá nhân tự tạo ra trong đầu để giúp họ có thể hiểu và tổ chức thông tin theo cách riêng của mình. Các lược đồ hoạt động như một "lối tắt" nhận thức ở chỗ chúng cho phép các cá nhân diễn giải thông tin nhanh hơn khi không sử dụng lược đồ. Tuy nhiên, các lược đồ cũng có thể ngăn các học sinh nhớ các thông tin liên quan nhưng lại nằm ngoài phạm vi của lược đồ đã được tạo ra. Chính vì lý do này mà học sinh được khuyến khích thay đổi hoặc phân tích lại lược đồ của mình khi cần thiết. Khi học sinh gặp thông tin quan trọng, nhưng có thể không trùng hoặc phù hợp với niềm tin và quan niệm hiện tại của họ về một chủ đề, học sinh cần xây dựng tiếp "bản đồ tư duy" để có một lược đồ ngày càng chi tiết và hoàn chỉnh cho một chủ đề. Kỹ thuật này đặc biệt quan trọng trong việc chuẩn bị ý tưởng cho bài thi Nói, và Viết trong kỳ thi IELTS, TOEFL.

- Chunking

Chunking là quá trình nhóm các mẩu thông tin lại với nhau để tạo điều kiện nhớ tốt hơn. Thay vì nhớ lại từng phần riêng lẻ, các cá nhân nhớ lại toàn bộ nhóm, và sau đó có thể lấy từng mục trong nhóm đó ra dễ dàng hơn. Ví dụ nhớ chuỗi "1345- 4321-3215" theo "chunk" sẽ dễ hơn nhớ đơn lẻ từng số trong dãy dài "134543213215" (Nhớ 3 items dễ hơn nhớ 12 items trong trí nhớ ngắn hạn)

https://tieulun.hopto.org

- Thực hành có chủ ý

Kỹ thuật cuối cùng mà học sinh có thể sử dụng để cải thiện việc "Nhớ" là thực hành có chủ ý. Nói một cách đơn giản, thực hành có chủ ý đề cập đến hành động cố tình và tích cực thực hành một kỹ năng với mục đích nâng cao hiểu biết và hiệu suất kỹ năng nói trên. Bằng cách khuyến khích học sinh thực hành một kỹ năng liên tục và có chủ ý (ví dụ, viết một bài luận đảm bảo các yêu cầu để bài có cấu trúc tốt), bạn sẽ giúp học sinh nhận thực về quá trình "học" và "nhớ" một cách chủ động hơn.

Kết luận

Bạn đã được giới thiệu về các lý thuyết nhận thức kép, nhấn mạnh sự tồn tại của hai hệ thống tư duy. Hệ thống 1 có đặc trưng là khả năng nhớ lại nhanh và tính tự động cao của nó, trong khi Hệ thống 2 chịu trách nhiệm phân tích thông tin nên được kiểm soát chậm hơn.

Bạn đã xem xét Hệ thống 1 có thể được sử dụng thế nào để cải thiện việc dạy và học. Điều này được thực hiện bằng cách xem xét một số quy trình nhận thức chi phối cách thông tin được học (được mã hóa), lưu trữ và truy xuất bởi hệ thống bộ nhớ. Phần cuối cùng đã phân tích kỹ hơn việc nhớ hoặc thu hồi thông tin, và các kỹ thuật mà giáo viên và học sinh có thể sử dụng để cải thiện trí nhớ.

https://tieulun.hopto.org

Học tập Chủ động (Phần 2): Một số Chiến lược Học tập Chủ động

Lê Thanh Hằng *dịch*[1]

Think/Pair/Share & Write/Pair/Share

Think/Pair/Share và Write/Pair/Share là những hoạt động cho phép học sinh hình thành câu trả lời của riêng mình cho một câu hỏi. Sau đó, các học sinh chia sẻ với một đối tác học sinh (hoặc nhiều đối tác học sinh), thảo luận và so sánh câu trả lời cá nhân của họ. Sau một vài phút của cuộc thảo luận giữa các cặp, giáo viên yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả với cả lớp.

1 *dịch từ Website của Đại học Duquesne*

https://tieulun.hopto.org

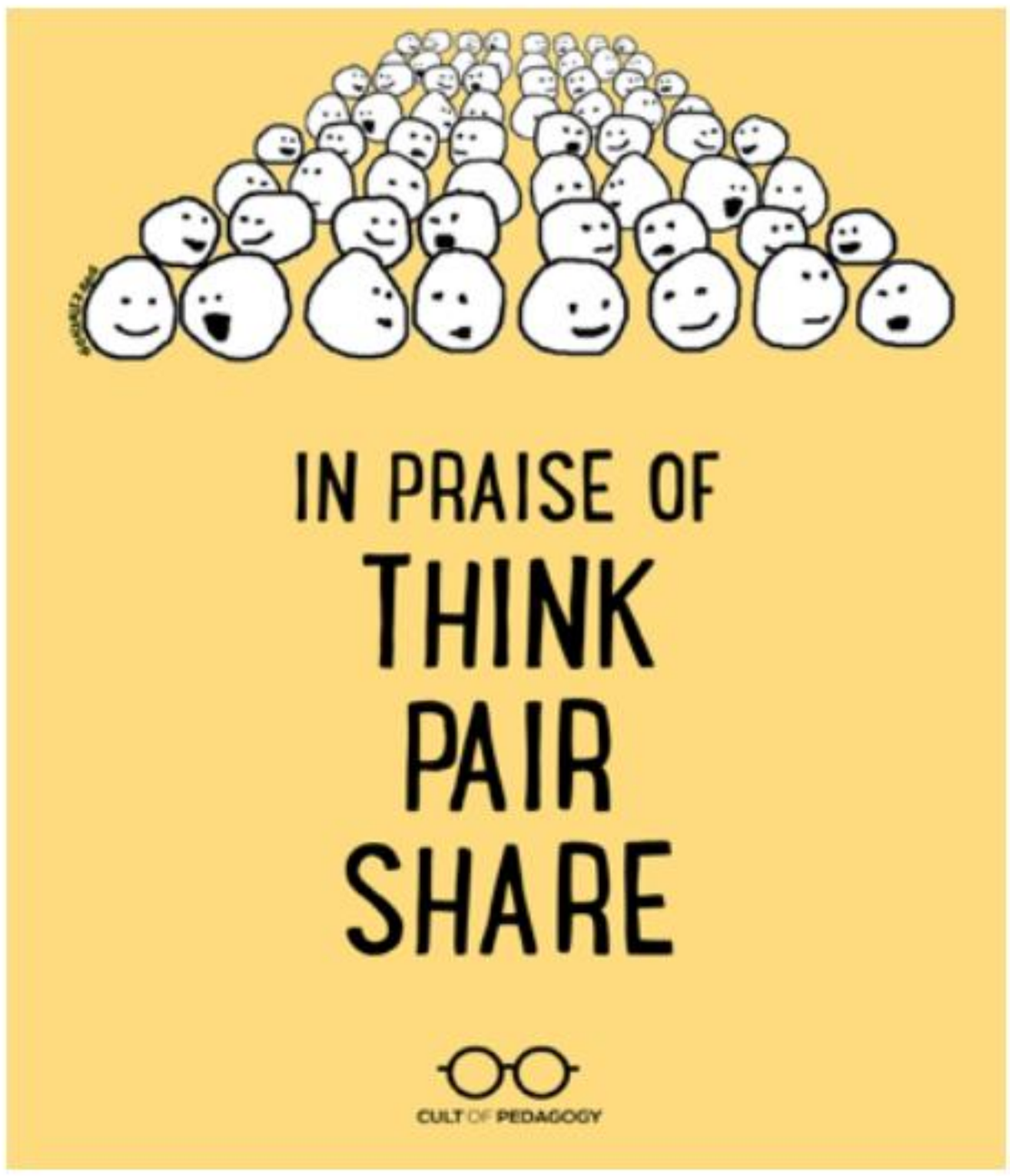

Minute Papers

Một cách thức đánh giá mức độ hiểu về các khái niệm khó của học sinh bằng cách yêu cầu học sinh lấy một tờ giấy và viết câu trả lời cho câu hỏi về chủ đề hiện tại trong 2-3 phút. Câu hỏi đặt ra có thể chỉ đơn giản là yêu cầu học sinh tóm tắt những điểm quan trọng nhất của bài giảng hoặc liệt kê là những gì điểm mù của bài học. Bằng cách đọc những tổng kết ngắn gọn đó, giáo viên có thể biết học sinh đang gặp vấn đề gì và điều chỉnh bài giảng cho phù hợp.

Letter Home

Đây là một biến thể của *Minute paper* yêu cầu học sinh viết một đoạn ngắn (lá thư) giải thích một khái niệm bằng ngôn ngữ đơn giản. Quá trình chuyển các khái niệm thành ngôn ngữ đơn giản giúp học sinh xử lý và kết nối các ý tưởng từ những kiến thức đã biết. Letter home cũng đánh giá xem học sinh có hiểu bài thực sự hay không.

Concept Mapping

Bản đồ khái niệm là phương tiện trực quan hiển thị các mối quan hệ hoặc kết nối giữa các khái niệm. Yêu cầu học sinh biểu thị các thành phần khác nhau của một chủ đề trên một bản đồ khái niệm sử dụng các đường kết nối mối tương quan giữa các thành phần. Lập bản đồ khái niệm giúp học sinh tổ chức và xác định những ý tưởng liên quan theo nhiều cách như thế nào. học sinh có thể so sánh bản đồ khái niệm của nhau để xác định hình dung hữu ích nhất về các thông tin. Giáo viên có thể đánh giá xem học sinh có đang vẽ các kết nối giữa các khái niệm hợp lí hay không.

Các nhóm hợp tác trong lớp học

Yêu cầu học sinh giải quyết các vấn đề, câu hỏi hoặc vấn đề trong nhóm 3-5 học sinh. Chiến lược này rất hiệu quả khi bạn cho mỗi nhóm một vấn đề hơi khác nhau một chút và yêu cầu mỗi nhóm trở thành chuyên gia trong vấn đề của họ. Các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả, giải pháp và tình huống khó khăn liên quan đến các vấn đề của họ. Trong khi các nhóm làm việc, giáo viên di chuyển để quan sát, đặt câu hỏi thêm và giữ nhóm tập trung vào nhiệm vụ.

Kiểm tra ghi chép/ So sánh ghi chép

Thỉnh thoảng, yêu cầu học sinh so sánh các ghi chú của họ với học sinh khác. Bài tập này cho phép học sinh xem cách học sinh khác ghi chép; nó cũng cung cấp cho học sinh cơ hội xem xét lại nhanh chóng những điều quan trọng trong bài giảng. Đôi khi học sinh sẽ phát hiện ra họ đã bỏ lỡ thông tin mà học sinh khác cho là quan trọng. Yêu cầu học sinh chia sẻ nơi họ tìm thấy sự khác biệt hoặc những điểm sáng thú vị.

Nếu bạn có thể đặt một câu hỏi

Yêu cầu học sinh viết một câu hỏi về môn học trên một tấm thẻ chỉ mục mà họ muốn được khám phá thêm. Sau đó, học sinh làm việc theo nhóm để thảo luận về các câu hỏi và xây dựng câu trả lời. Điều này có thể tạo một cuộc thảo luận tuyệt vời về kiến thức giữa các học sinh. Thu thập các thẻ chỉ mục để xem học sinh có câu hỏi tương tự nhau, cần phải làm rõ thêm. Một số giáo viên yêu cầu học sinh xây dựng các câu hỏi cho một bài kiểm tra. Điều này có thể giúp giáo viên thấy được liệu học sinh có xác định được các thông tin quan trọng nhất hay không.

https://tieulun.hopto.org

Những lời khen thường thấy ở các bậc cha mẹ hay thầy cô giáo là: "Con/em giỏi lắm" "Ồ em không làm sai câu nào cơ à? Giỏi quá!" "Tháng này con vẫn đứng nhất lớp chứ? Thế mới là con trai mẹ!". Liệu những lời khen tưởng chừng là khích lệ, vô hại đấy có vô tình truyền đi một thông điệp ẩn nào đó có hại cho trẻ không? Để biết được điều đó, chúng ta cần có những hiểu biết nhất định về hai luồng tư duy: Tư Duy Cố Định (Fixed mindset) và Tư Duy Phát Triển (Growth mindset). Hai khái niệm này được phát triển bởi tiến sĩ Carol S. Dweck trong cuốn sách Mindset (Tư Duy) của bà, lần đầu được xuất bản năm 2006.

Hai loại tư duy (mindset)

Lấy bối cảnh bạn vừa nhận kết quả của bài kiểm tra cho môn mà bạn rất thích và đã học rất kĩ: 5/10 điểm. Ở đây sẽ có hai khả năng có thể xảy ra. Nếu có Tư Duy Cố Định, bạn sẽ nghĩ rằng "Khả năng của mình chỉ có thế thôi", "Đề khó thế thì mình có từng đây điểm cũng là điều dễ hiểu", hay "Mình thật ngu dốt! Có quá nhiều người giỏi hơn mình. Mình có cố gắng nữa cũng phí công thôi", và bạn cảm thấy thất vọng về bản thân, thấy cuộc đời thật bất công hay tệ bạc với bạn. Ngược lại, nếu bạn có Tư Duy Phát Triển, bạn lại nghĩ "Chà, mình phải xem mình đã sai ở đâu để lần sau không mắc lỗi ấy nữa", "Mình phải cố gắng nhiều hơn nếu muốn điểm cao hơn", và bạn cảm thấy thú vị, kích thích vì gặp phải bài kiểm tra khó. Bối cảnh trên là ví dụ rõ ràng cho sự khác biệt giữa hai loại tư duy (mindset).

1 Bài viết tham cuốn sách Mindset - Carol S. Dweck, và được chỉnh sửa từ hai bài viết của chính tác giả trên tamly.blog

https://tieulun.hopto.org

Thành công là khi ta học được gì đó (vượt qua được chính bản thân), hay là khi ta chứng minh được ta giỏi?

Bộ não chúng ta từ thời nguyên thủy đã có một trí tò mò bất diệt. Trí tò mò này cực kỳ quan trọng trong sự tiến hóa của loài người. Nó hoạt động theo cách **Trial and Error (Thử nghiệm và Mắc lỗi)**. Khi những con người đầu tiên không biết sư tử là động vật ăn thịt, họ đã lại gần chúng và bị xơi tái. Từ đó những người sống sót mới nhận định "Phải tránh xa sư tử", và tăng khả năng sinh tồn của họ lên nhiều hơn. Với con người hiện đại, không bị đe dọa từ những con thú dữ nữa, thì trí tò mò chính là động lực kích thích họ sáng tạo ra nhiều phát minh hơn phục vụ cho xã hội ngày nay, cho con người có một cuộc sống dễ dàng hơn, có tuổi thọ cao hơn. Vì vậy, có thể nói, chúng ta sinh ra đã có niềm yêu thích với việc học những thứ mới mẻ.

Vậy nhưng, Tư Duy Cố Định là một trong những nguyên nhân giết chết niềm yêu thích đó.

Từ bối cảnh ví dụ bên trên, các bạn có thể thấy, những người có Tư Duy Cố Định rất sợ bị người ngoài chê cười, nên họ luôn chọn làm những thứ mà họ chắc chắn sẽ thành công – cũng tức là những thứ họ đã biết. Họ từ chối thử làm một điều gì đó mới với họ, bởi "nhỡ mình làm sai thì mình sẽ bị đánh giá". Họ để một con số (điểm trên bài kiểm tra), một lỗi lầm vô tình mắc phải, một biến cố gì đó trong cuộc đời định nghĩa bản thân họ. Điểm thấp tức là mình không thông minh. Bị từ chối tình cảm là vì mình không xứng đáng được yêu thương. v.v... Ngược lại, họ cũng đánh giá những người khác dựa trên những sai lầm mà người đó mắc phải. Chính những suy nghĩ từ Tư Duy Cố Định này khiến họ không bao giờ vượt qua được giới hạn của bản thân, sẽ luôn bị nhấn sâu xuống bởi bất cứ thứ gì tiêu cực xảy tới. Họ rất dễ rơi vào trạng thái từ chối chấp nhận sự thật, nhất là khi họ là người có lỗi. Với những người có Tư Duy Phát Triển, khi gặp thất bại, họ sẽ không từ chối thừa nhận khuyết điểm của bản thân mà sẽ nghĩ: Mình vừa mắc sai lầm. Mình có thể học được gì từ sai lầm đó? Mình sẽ lên kế hoạch gì để sửa đổi khuyết điểm đó? Khi có chuyện không như ý xảy ra, sau khi ôm trọn những cảm xúc khó tránh khỏi, họ sẽ bắt tay vào công cuộc thay đổi cuộc đời mình trở nên tốt đẹp hơn, thay vì bỏ qua chuyện đó và tiếp tục đi lại con đường cũ, cách làm cũ với thái độ cũ.

Cách khen của người lớn đang đẩy trẻ con rơi vào bẫy tâm lý của Tư Duy Cố Định...

... bởi chúng ta hầu như chỉ khen ngợi khi chúng đạt được kết quả gì đó thật tốt. Hay nói cách khác, chúng ta thường hay khen ngợi Năng Lực thay vì Nỗ Lực. Tiến sĩ Dweck cùng đồng nghiệp đã tiến hành những cuộc khảo sát với hàng trăm học sinh, phần lớn đang trong độ tuổi dậy thì. Đầu tiên họ cho mỗi học sinh một bộ 10 câu hỏi tương đối khó trong bài kiểm tra IQ làm trên

https://tieulun.hopto.org

giấy. Phần lớn học sinh làm tương đối tốt, và khi chúng hoàn thành xong, họ khen ngợi chúng. Với một số học sinh, họ **khen ngợi năng lực**. Chúng được nghe những lời khen như: "Woa, cháu làm được những 8 câu đúng cơ à. Một số điểm khá ấn tượng. Hẳn là cháu rất giỏi mấy bài kiểu như vậy." Chúng đã được "gắn nhãn" Cháu-Thật-Tài-Giỏi. Một số khác, họ **khen ngợi vì những cố gắng chúng đã bỏ ra**. "Ồ, cháu làm được 8 câu đúng này. Điểm số cao đấy. Hẳn là cháu đã học rất chăm chỉ mới trả lời được những câu đó." Chúng không bị dán nhãn rằng chúng có tài năng gì đặc biệt, chúng được khen vì chúng đã bỏ công sức ra để đạt được thành công. Cả hai nhóm học sinh này đều có trình độ tương đương nhau khi mới bắt đầu bài kiểm tra. Nhưng ngay sau khi nghe những lời khen ngợi, chúng bắt đầu trở nên khác biệt. Đúng như những gì các nhà khoa học lo lắng, những lời khen tập trung vào năng lực đã đẩy các học sinh vào Tư Duy Cố Định, và chúng bắt đầu có những dấu hiệu của lối tư duy đó: Khi cho chọn, chúng đã chọn không tiếp tục thử thách mới hơn – cơ hội để học được điều mới. **Chúng không muốn làm bất cứ điều gì làm lộ ra những điểm yếu hay làm mọi người nghi ngờ về "tài năng" của mình.** Ngược lại, với những học sinh được khen về sự cố gắng, **90% số này muốn chấp nhận thử thách để học thêm được điều gì đó mới mẻ.**

Sau đó, các nhà nghiên cứu cho học sinh thêm những câu hỏi khó hơn, những câu mà chúng không có kết quả tốt như trước. Những đứa trẻ tập trung vào năng lực nghĩ rằng hóa ra chúng không thông minh chút nào. Nếu thành công nghĩa là chúng thông minh, thì ít-hơn-thành-công tức là người dốt nát. Những học sinh chú trọng tới sự cố gắng chỉ nghĩ khó khăn đơn giản là "phải bỏ ra nhiều nỗ lực hơn hoặc thử cách làm khác." Chúng không xem đó là thất bại, và không nghĩ thất bại nói lên được điều gì về trí thông minh của chúng.

Lời khen ngợi khiến các trẻ "Năng Lực" phải nói dối.

Còn một điều nữa mà tiến sĩ Dweck phát hiện ra trong nghiên cứu của mình mà vừa đáng ngạc nhiên, lại vừa đáng buồn. Các nhà khoa học nói với từng học sinh: "Bọn cô sẽ tiếp tục nghiên cứu này ở một trường khác, và cô nghĩ là các bạn ở đấy sẽ rất muốn biết về những câu hỏi mà các em vừa làm." Rồi họ cho lũ trẻ một tờ giấy để viết về suy nghĩ của chúng về những câu hỏi này, và họ cố tình để một khoảng trống ở cuối để chúng viết về số điểm chúng đã đạt được trong bài kiểm tra. Bạn có tin được rằng, tới tận 40% những học sinh "năng lực" nói dối về số điểm của chúng? Và "nói dối" ở đây là khai khống điểm cao lên. Trong Tư Duy Cố Định, khuyết điểm là thứ đáng xấu hổ – nhất là khi bạn có năng lực – vì vậy chúng đã chọn việc nói dối. Điều đáng cảnh báo là chúng ta đã làm những đứa trẻ bình thường trở thành những người nói dối, bằng một việc đơn giản là nói với chúng rằng chúng rất thông minh. Nói với trẻ con rằng chúng thông minh, về lâu dài, sẽ làm chúng cảm thấy ngốc nghếch hơn và hành động cũng ngốc nghếch hơn, nhưng vẫn luôn cố tỏ ra là mình thông minh. Đây không phải là ý muốn của người lớn chúng ta khi chúng ta gán cho chúng những mỹ từ như "tài năng", "thiên tài", "xuất sắc". Chúng ta không có ý muốn tước đi của chúng trí tò mò với những thử thách và những yếu tố đưa chúng tới thành công. Nhưng những mỹ từ kia lại làm ngược lại điều đó.

Cố gắng làm điều gì đó cũng là lúc bạn tự thừa nhận mình yếu kém?

Đây là quan điểm của khá nhiều bố mẹ châu Á. Khi nói chuyện với nhau, họ thường hay giấu đi sự thật rằng con họ đang phải cày ngày cày đêm ở các trung tâm gia sư cũng như ở nhà. Khi con họ đạt thành tích tốt, họ sẽ tự hào khoe kèm theo những câu như *"Cháu nhà tôi không đi học thêm ở đâu, nó tự học hết"* hoặc *"Con tôi không học nhiều lắm đâu, chỉ bài vở trên lớp thôi. Tối*

https://tieulun.hopto.org

nào cũng thấy nó đi ngủ sớm. Vẫn còn lười lắm". Việc cho rằng cố gắng đồng nghĩa với khả năng còn kém chính là dấu hiệu của Tư Duy Cố Định.

Với những người có Tư Duy Cố Định, những người giỏi là những người sinh ra đã giỏi, đã có đầu óc thông minh hơn hẳn những người khác, và làm gì cũng phải đúng, phải chuẩn. Họ coi trí thông minh là bất biến, rằng nếu bạn phải cố gắng để làm một điều gì đó, có nghĩa bạn vốn không có đủ thông minh hay năng lực để làm nó: *"Có cố mấy cũng vậy thôi. Mình sẽ không bao giờ làm được"*, *"Người ta làm được là vì người ta giỏi, mình thì không"*, *"Nỗ lực là dành cho bọn bất tài"*. Đáng sợ hơn, họ sẽ vẽ ra viễn cảnh một thất bại đang đón chờ phía trước cho những người muốn thử, vì họ sợ người khác làm được điều mà họ không làm được. Cũng với lối suy nghĩ như vậy, một khi họ đã coi họ giỏi, họ sẽ cho rằng kêu gọi sự giúp đỡ cũng là một minh chứng cho sự yếu kém của mình.

Người có Tư Duy Phát Triển sẽ không nghĩ vậy. Họ không bắt ép bản thân phải hoàn hảo trên từng bước đi. Mặc dù họ vẫn cố tránh vấp phải sai lầm, nhưng họ biết sai lầm là không tránh khỏi trong mọi mặt của cuộc sống. Họ cũng thừa nhận rằng có người sinh ra có bộ óc nhanh nhạy hơn người khác, nhưng họ cũng tin rằng thành công không chỉ của riêng ai. Người bỏ ra nhiều nỗ lực hơn không có nghĩa họ không có quyền được thành công. Thực tế, những người có Tư Duy Phát Triển lại hưởng thụ và thích thú với quá trình cố gắng hơn là đích đến. Và họ biết rằng, dù là thiên tài hay người bình thường, ai cũng phải bỏ ra công sức trong quá trình hoàn thiện bản thân cũng như đạt tới thành công. Ngoài ra, *"muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa thì hãy đi cùng nhau"* – đó là một trong những phương châm ưa thích của những người có Tư Duy Phát Triển. Họ không ngại làm việc nhóm, và luôn chào đón những ý tưởng mới mẻ từ những người bạn đồng hành.

Kết luận

Trẻ em như những tờ giấy trắng. Mọi lời khen/chê của người lớn, dù với dụng ý tốt tới đâu, nếu không được đưa ra đúng cách cũng có thể sẽ hằn lên những nét vẽ sai lệch định hình tính cách con người của trẻ. Vì vậy, các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo cũng như tất cả những người có đóng góp trong sự phát triển của trẻ hãy cố gắng chỉnh sửa lời nói hàng ngày với trẻ, làm sao để xây dựng cho trẻ một lối tư duy tích cực, một Tư Duy Phát Triển.

https://tieulun.hopto.org

ÁP LỰC KHIẾN TRẺ KÉM TỰ TIN, TẠI SAO?

- Ya-Hsin Lai[1]
Ứng Tuấn Minh, Nguyễn Diệu *dịch*[2]

Sự thống nhất trong cách đối xử với trẻ là một thử thách lớn đối với phụ huynh. Thật khó để đối xử với trẻ cùng một cách trong các tình huống khác nhau. Những bậc cha mẹ thế hệ mới có thể thoải mái thư giãn khi chúng ở nhà, nhưng ngay lập tức lo lắng khi chúng ở trên sân bóng hoặc làm bài kiểm tra ở trường. Nhưng cách cha mẹ quan tâm đến con cái trong những hoàn cảnh khác nhau có thể dẫn đến một mối quan hệ phức tạp. Cụ thể, nó có thể ảnh hưởng đến cảm giác của trẻ khi chúng lớn lên.

"Sự gắn bó mật thiết giữa cha mẹ và con cái" mô tả mối quan hệ tình cảm quan trọng bắt đầu ngay từ khi em bé sơ sinh tìm kiếm sự gần gũi và thoải mái từ chính cha mẹ (hoặc người chăm sóc). Sự kết nối đó được thử thách trong những giây phút khó khăn sau này, chẳng hạn như khi trẻ buồn bã, đau đớn hoặc tức giận. Trong những tình huống này, đứa trẻ dựa vào sức mạnh của tình thân để cảm thấy an toàn và được chở che.

Những kết nối và cảm giác an toàn này được thiết lập trong giai đoạn đầu phát triển của trẻ nhỏ. Chúng ước định những mô hình tâm lý bên trong đứa trẻ để làm chỉ dẫn cho các trải nghiệm tình yêu và tình bạn sau này. Chúng cũng ảnh hưởng đến cách chúng ta đương đầu với các vấn đề cảm xúc của cuộc sống thường ngày.

Sự gắn bó mật thiết tốt đẹp giữa cha mẹ và con cái phát triển trong thời thơ ấu khi cha mẹ liên tục chú ý, đồng cảm và quan tâm tới nhu cầu cảm xúc của trẻ, đặc biệt là trong những khoảnh khắc trẻ dễ bị tổn thương. Nhờ đó, đứa trẻ sẽ tin rằng mình xứng đáng được mọi người yêu thương. Chúng có thể tìm kiếm sự tương trợ và động viên từ những người khác trong tương lai. Sự gắn bó này cũng giúp trẻ tăng khả năng đối phó với những nghịch cảnh của cuộc sống, thay vì từ chối sẻ chia hoặc xử lý những rắc rối một cách tiêu cực.

Mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ sẽ khuyến khích trẻ em quan tâm tới những suy nghĩ, hành động và cảm xúc của người khác. Nhờ sự thấu hiểu, khả năng đồng cảm và lòng khoan dung, những đứa trẻ này cũng sẽ được yêu quý và tin cậy hơn, sẽ xây dựng được các mối quan hệ vững chắc cho cuộc sống sau này.

---

1 PhD Researcher in Education, University of Bath

2 Dịch từ từ Diễn đàn Kinh tế Thế giới

https://tieulun.hopto.org

Nhưng làm cha mẹ cũng không đơn giản. Với cùng một mục đích, kỹ thuật nuôi dạy con cái sẽ khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh. Điều này đặc biệt rõ ràng khi đứa trẻ tham gia vào các hoạt động có tính đến thành tích.

Các sự kiện thể thao, các báo cáo đánh giá từ nhà trường và các cuộc thi có trao thưởng có thể khiến phụ huynh tạo ra áp lực cho con, họ trở nên lo lắng và căng thẳng thái quá. Điều này có thể dẫn đến kì vọng quá cao và khiến trẻ vơi đi cảm giác an toàn. Trong những tình huống như vậy, từng hoàn cảnh cụ thể dẫn đến một cách tiếp cận khác trong việc nuôi dạy con và làm giảm đi mối quan hệ đang tốt đẹp giữa trẻ và cha mẹ.

Trẻ em có lẽ cần được nhận thêm nhiều sự hỗ trợ và động viên từ cha mẹ khi kết quả kiểm tra thấp hoặc khi thua một sự kiện thể thao trong môi trường cạnh tranh (và đôi khi công khai) này. Nhưng những ông bố bà mẹ này thường quá ám ảnh với thứ cảm xúc ganh đua của riêng mình – họ mắng mỏ con cái và phớt lờ nhu cầu cần được quan tâm của chúng, lại càng làm gia tăng sự bất an về mối quan hệ giữa trẻ và cha mẹ.

Những gì diễn ra phần nào cho thấy cha mẹ đang "đồ vật hóa" đứa con của mình."Các bậc phụ huynh tham vọng và ganh đua coi con cái như một vật thể, như một công cụ thỏa mãn nhu cầu thành tích của bản thân. Đứa trẻ có thể sẽ đối phó với điều này bằng việc cách ly cảm xúc khỏi nhu cầu cá nhân và vô tình góp sức vào quá trình "đồ vật hóa" bản thân. Đứa trẻ sau đó sẽ cảm thấy có lỗi nếu chúng không đạt được những mong đợi của cha mẹ. Chúng thôi thúc bản thân thành công để làm hài lòng cha mẹ, bởi vì chúng định giá bản thân bởi sự công nhận và chấp thuận của cha mẹ.

Hãy là một người đồng hành thân thiết!

Nghiên cứu của tôi chỉ ra một điều: những vận động viên trẻ có thể cảm thấy động lực và nỗ lực rèn luyện của chúng nhằm đáp ứng áp lực từ cha mẹ hơn là ham muốn cá nhân. Những vận động viên này không cảm thấy rằng những người mà họ quan tâm cũng quan tâm đến họ. Họ cảm thấy thiếu tự tin và không an toàn trong cuộc sống hằng ngày.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng những mối quan hệ ổn định và đáng tin cậy có thể được hình thành bằng cách tăng cường cảm giác an toàn trong mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái, đồng thời làm giảm đi kết nối bất an. Sự thấu hiểu, đồng cảm và quan tâm của cha mẹ nên nhất quán, đặc biệt là trong những khoảnh khắc con cái dễ bị tổn thương.

Vậy cha mẹ có thể làm gì để cải thiện tình hình nếu đôi lúc họ thiếu sự nhất quán cần thiết? Theo kết quả nghiên cứu bước đầu của tôi, thể thao có thể là một khởi đầu lý tưởng. Bạn không nhất thiết phải đam mê môn thể thao mà trẻ yêu thích – nhưng hãy dành thời gian lắng nghe và đồng hành với trẻ. Hãy gạt bỏ những cơn thịnh nộ mất kiểm soát, mắng mỏ và thờ ơ. Thay vào đó hãy cùng trẻ trải nghiệm thể thao như một cơ hội giúp đỡ có chủ đích về mặt cảm xúc. Ví dụ cùng tham gia các buổi thực hành, các cuộc thi đấu, cùng xem thể thao hoặc thậm chí mua sắm trang thiết bị.

Dù trên đường đua hay trong sân cỏ, sự chăm sóc vô điều kiện và trân trọng nhu cầu tình cảm của trẻ sẽ làm bền chặt sự gắn bó của chúng với cha mẹ. Bằng cách, cả cha mẹ và con cái đều hạnh phúc.

https://tieulun.hopto.org

GIÁO DỤC TÍCH CỰC: GIÁO DỤC DỰA TRÊN ĐIỂM MẠNH

Nguyễn Minh Thành

https://reviewsach.net/chien-binh-cau-vong-review-sach/

"Giáo dục không phải lúc nào cũng gắn chặt với việc đạt được điểm số cao. Học tập là cao quý, là ca tụng Nhân bản, là niềm vui khi được cắp sách tới Trường và là ánh sáng Văn minh"
- Andrea Hirata[1]

Tôi muốn dùng 2 câu hỏi của Tiến sĩ Martin.Seligman người được coi là "cha đẻ" của trường phái Tâm lý học tích cực để mở đầu bài viết của mình và cũng để dành cho các bạn đọc 1 vài sự suy nghĩ, trăn trở.

Câu 1: Hãy sử dụng 2 từ để nói lên ước mơ và mong muốn của bạn về cuộc đời của con cái/ học sinh của mình trong tương lai? Bạn muốn con mình trở thành 1 người như thế nào?

Câu 2: Sau khi trả lời câu hỏi trên, hãy suy nghĩ về những gì mà Nhà trường đang dạy cho học sinh ngày nay?

Giáo dục tích cực được gợi cảm hứng từ câu hỏi "Mục đích cuối cùng của Giáo dục là gì?" và "Mục đích sống của một con người là gì?". Chúng ta dễ dàng nói rằng: Tôi muốn con em/ học sinh của mình sẽ trở thành một người Hạnh phúc, nhưng những gì chúng ta đã và đang trang bị cho trẻ em liệu có thực sự đem lại Hạnh phúc cho chúng không?

I. Tâm lý học tích cực

Tâm lý học vốn là 1 ngành khoa học có lịch sử lâu dài, sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau - rất chặt chẽ để tìm hiểu về đời sống tâm thần và hành vi, cảm xúc bên ngoài của mỗi cá nhân. Tâm lý học cho tới trước thế kỷ 21 chủ yếu nghiên cứu nghiêng về các chứng loạn thần, bệnh tật và những sự thiếu thốn của con người. Từ cách tiếp cận đó các nhà Tâm lý học tập trung rất nhiều vào việc cải thiện những điểm yếu kém, thiếu sót trong bản chất của mỗi cá nhân. "Các bác sĩ đã phát triển phương pháp điều trị thông qua nghiên cứu rối loạn cảm xúc,

1 Hirata, A. (2017). Chiến binh Cầu vồng. Dạ Thảo dịch. NXB Hội Nhà Văn

https://tieulun.hopto.org

nhận thức và hành vi; Các nhà trị liệu gia đình tập trung vào các mối quan hệ xấu, giải quyết mâu thuẫn và các vấn đề tình dục; Các tổ chức kinh doanh tìm kiếm các lý do và hậu quả của các trạng thái tiêu cực như căng thẳng, trầm cảm, mâu thuẫn, thất bại và xa lánh cộng đồng"[2].

Phân tích các bài báo học thuật được xuất bản giữa những năm 1976-1994 đã chứng minh sự nổi bật trong việc nghiên cứu về xu hướng phổ biến rộng rãi này. Kết quả của nghiên cứu toàn diện này cho thấy 46.380 bài viết về trầm cảm, 36.851 bài viết về lo lắng và 5099 bài viết về sự tức giận. Kết quả cũng chỉ ra rằng chỉ có 5.000 bài được viết về các chủ đề như hạnh phúc, sự hài lòng trong đời sống, hy vọng và lạc quan (Luthans, 2002)[3]. Từ những thực tế trên, trong 2 năm 1998 và 1999 khi được bầu làm Chủ tịch hiệp hội tâm lý học Hoa kỳ (APA) Tiến sĩ Martin Seligman đã lấy Tâm lý học tích cực làm chủ đề nghiên cứu và thảo luận.

Seligman đã cùng các đồng nghiệp của mình là Mihaly Csikszentmihalyi và Christopher Peterson lãnh đạo phong trào nghiên cứu nghiêm ngặt để công bố Tâm lý học tích cực như một nhánh nghiên cứu mới của khoa học Tâm lý. Tâm lý học tích cực với mục tiêu nghiên cứu là đi tìm câu trả lời cho câu hỏi *"Điều gì giúp tạo nên một cuộc sống Hạnh phúc?"* và hiện nay nó được xây dựng và hiểu dựa trên các lý thuyết hướng dẫn:

1. Mô hình hạnh phúc PERMA nghiên cứu về cách thức để 1 cá nhân bất kỳ đạt được cuộc sống Hạnh phúc.
   - P = Positive emotion - Cảm xúc tích cực
   - E = Positive engagement - Sự tham gia tích cực
   - R = Positive relationship - Các mối quan hệ tích cực
   - M = Positive meaning - Ý nghĩa tích cực
   - A = Positive accomplishment - Thành tựu tích cực
2. Lý thuyết "Flow", tạm dịch "Dòng chảy" tập trung vào nghiên cứu những trải nghiệm bắt nguồn từ động lực nội tại; cảm giác tận hưởng trong hiện tại, trả lời cho câu hỏi "Làm thế nào 1 người có thể tập trung cao độ và tận hưởng công việc mà mình đang làm?"
3. Lý thuyết về điểm mạnh nhân cách VIA (Values in action inventory of Strengths) nghiên cứu về 6 lớp nhân đức và 24 điểm mạnh nhân cách của con người xuyên qua các nền văn hoá và các thời đại khác nhau. 6 lớp nhân đức trong lý thuyết này được trích xuất từ các văn bản Triết học; tôn giáo cổ viết về Đạo đức bao gồm:
   - Nhóm trí tuệ và kiến thức
   - Nhóm lòng can đảm
   - Nhóm nhân văn
   - Nhóm công lý
   - Nhóm chừng mực
   - Nhóm "siêu việt"

Tới nay, trải qua hơn 30 năm nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm, Tâm lý học tích cực đã chính thức được công nhận là một ngành khoa học. Nhánh nghiên cứu này đã đóng góp và bổ sung cho Tâm lý học cổ điển để tạo nên những can thiệp toàn diện hơn nhằm nâng cao sức khoẻ tâm thần cho con người. Tâm lý học tích cực với một số can thiệp nổi tiếng như "Can thiệp 3 điều tốt"; "Chuyến viếng thăm của lòng biết ơn"; "Can thiệp dựa trên điểm mạnh"; "Can thiệp hy vọng"... Tuy nhiên một đóng góp lớn lao khác của Tâm lý học tích cực đó là nó giúp làm nổi lên phong trào Giáo dục tích cực với mục

2 Tülay Bozkurt (2014). New Horizons In Education: Positive Education And Emerging Leadership Roles Of Counselors. Social and Behavioral Sciences 140 (2014) 452 – 461

3 Luthans,F.(2002). The need for and the meaning of positive organizational behavior. Journal of Organizational Behavior, 23, 695-706.

https://tieulun.hopto.org

tiêu: Đem Hạnh phúc; Hy vọng; Sự hài lòng; Sự tự kiểm soát; Lòng tốt và Sự biết ơn vào giảng dạy trong trường học.

II. Giáo dục tích cực

1. Giáo dục tích cực là gì?

Giáo dục tích cực cho tới nay đã đi được một chặng đường 10 năm kể từ ngày ngôi trường Geelong Grammar tại Úc đưa chương trình này vào giảng dạy năm 2008 và thành lập Viện nghiên cứu giáo dục tích cực đầu tiên trên thế giới năm 2014. Cho tới nay mạng lưới các trường tuyên bố đi theo Giáo dục tích cực đã lên tới con số gần 100 ngôi trường trải dài trên khắp cáu châu lục. Ở châu Á phong trào này đã lan toả mạnh mẽ tại Trung Quốc, Bhutan, Singapore, Đài Loan. Nghiên cứu cho thấy rằng: Kỹ năng tự phục hồi, các cảm xúc tích cực, sự tham gia tích cực và ý nghĩa tích cực giúp con người đạt được trạng thái Hạnh phúc và Hài lòng trong cuộc sống và điều quan trọng là các kỹ năng - kiến thức này hoàn toàn được giảng dạy trong chương trình Giáo dục tích cực[4]. Giáo dục tích cực được xây dựng trên nền tảng của các lý thuyết sau:

- Mô hình hạnh phúc PERMA nghiên cứu về cách thức để 1 cá nhân bất kỳ đạt được cuộc sống Hạnh phúc.
- Lý thuyết "Dòng chảy"
- Lý thuyết điểm mạnh nhân cách VIA
- Lý thuyết về xây dựng và mở rộng cảm xúc tích cực (The Brooden and Build Theory of Positive Emotion)

Hiện nay tại Geelong Grammar, ngôi trường đầu tiên đưa giáo dục tích cực vào chương trình giảng dạy đã thiết lập nên 1 mô hình rất nổi tiếng đó là Flourish Model - tạm dịch "Mô hình thinh vượng". Mô hình này với ý nghĩa rằng Giáo dục tích cực sẽ giúp thúc đẩy sức khoẻ tâm thần trong nhà trường được hiểu là:

- Cảm thấy tốt: bao gồm một loạt các cảm xúc và kinh nghiệm như cảm giác về quá khứ, hạnh phúc trong hiện tại, hy vọng về tương lai, và có thể đối phó với những cảm xúc và trải nghiệm khó khăn một cách lành mạnh và thích ứng.
- Làm tốt: trang bị cho người học các kỹ năng và kiến thức giúp họ đối phó mạnh mẽ khi phải đối mặt với cả những thách thức và cơ hội. Làm cho các thể hiện tốt hoạt động hiệu quả trên nhiều trải nghiệm của con người. Điều quan trọng nữa cũng là cam kết đối với các hành vi và lựa chọn thân thiện với xã hội mang lại lợi ích cho người khác và cộng đồng rộng lớn hơn (Norrish, J. M., Williams, P., O'Connor, M., & Robinson, J. (2013)[5].

Mô hình Flourish bao gồm 6 yếu tố chính, đó là:

- Mục đích tích cực
- Mối quan hệ tích cực
- Cảm xúc tích cực
- Sức khoẻ tích cực
- Sự tham gia tích cực
- Thành tựu tích cực

2. Giáo dục dựa trên điểm mạnh.

Một cách tiếp cận rất Nhân văn và khoa học trong Giáo dục tích cực đó là: Chương trình giáo dục được xây dựng dựa trên việc ghi nhận và thấu hiểu điểm mạnh của người học và giáo viên. Sáu lớp Nhân đức và 24 điểm mạnh trong lý thuyết về điểm mạnh nhân cách VIA (Values in action inventory of Strengths) không những được đưa vào làm cơ sở xây dựng chương trình giảng dạy mà còn được trực tiếp đưa ra làm bài học cho học sinh trong giờ lên lớp hoặc giờ thảo luận. Sự đánh giá học sinh cũng được xây dựng dựa trên việc tập trung vào những điểm mạnh

4 Martin E. P. Seligmana, Randal M. Ernstb, Jane Gillhamc, Karen Reivicha and Mark Linkinsd (2009). Positive education: positive psychology and classroom interventions. Oxford Review of Education Vol. 35, No. 3, June 2009, pp. 293–311

5 Norrish, J. M., Williams, P., O'Connor, M., & Robinson, J. (2013). An applied framework for positive education. International Journal of Wellbeing, 3(2), 147-161.

https://tieulun.hopto.org

của trẻ và dùng chính những điều đó để tiếp cận và can thiệp điểm yếu của chúng. Các nghiên cứu về điểm mạnh nhân cách đã được bắt đầu từ khá lâu trong lịch sử nghiên cứu của Tâm lý học và kéo dài cho tới ngày nay. Tuy nhiên khi ra đời, VIA được nhà tâm lý học Howard Gardner[6] đánh giá là "một trong những sáng kiến quan trọng nhất trong tâm lý học của nửa thế kỷ qua".

Một vài nghiên cứu (Park, 2004b ; Peterson, Park & Seligman, 2006)[7] đã kết luận rằng: sự hài lòng cuộc sống và sức mạnh nhân cách sẽ giúp thanh thiếu niên gặp ít vấn đề về tâm lý hoặc thể chất hơn sau những khó khăn không thể tránh khỏi. Để có thể khảo sát được điểm mạnh của mình là gì? và giúp trẻ em, thanh thiếu niên làm bài kiểm tra này các bạn có thể truy cập vào địa chỉ http://www.viacharacter.org/www/Character-Strengths-Survey. Lưu ý rằng bảng khảo sát này chỉ dành cho trẻ từ 10 tuổi trở lên, đối với trẻ nhỏ hơn đánh giá điểm mạnh sẽ dựa vào báo cáo mô tả của Cha mẹ và Giáo viên trực tiếp giảng dạy trẻ.

3. Trường hợp Việt nam.

Tâm lý học tích cực ra đời tới nay được 20 năm, vẫn được coi là một nhánh nghiên cứu non trẻ trong Tâm lý học và đang tiếp tục được khai thác. Hiện tại ở Việt nam một số nội dung của Tâm lý học tích cực cũng được dưa vào các bài giảng cho sinh viên chuyên ngành Tâm lý học trong cách trường Đại học một cách không chính thức, hiện tại ở Việt nam chưa hề có giáo trình về lĩnh vực này. Chúng ta đã có 1 cuốn sách viết về ứng dụng lý thuyết điểm mạnh nhân cách được dịch ra tiếng Việt đó là: Khám phá sức mạnh nhân cách do Nhà xuất bản Thanh Hoá phát hành.

Dự án Cánh Diều[8] do các bạn trẻ có đam mê với Tâm lý học tích cực lập nên năm 2017 hiện tại có thể coi là 1 dự án dài hơi và tiếp cận bài bản, phong phú để giới thiệu các kiến thức của Tâm lý học tích cực tới với công chúng qua việc dịch sách, tài liệu và phổ biến chúng tới bạn đọc dưới hình thức phi lợi nhuận.

Giáo dục tích cực hiện tại cũng đang nhóm lên ngọn lửa tại Việt Nam, 1 ngôi trường mầm non Montessori nhỏ xinh tại Sài Gòn đã tuyên bố đi theo triết lý của Giáo dục tích cực và áp dụng vào trong chương trình giảng dạy của mình với các mục tiêu:

- Chương trình Giáo dục được xây dựng dựa trên dựa trên điểm mạnh của học sinh - giáo viên.
- Tạo ra những cải thiện có thể đo lường được về Hạnh Phúc, An lạc, Hy vọng và sự Hài lòng cho Học sinh và Giáo viên dựa trên mô hình hạnh phúc PERMA. Giáo dục nhân cách cho trẻ dựa trên lý thuyết về 6 lớp nhân đức và 24 điểm mạnh nhân cách VIA (Dũng cảm, Kiên trì, Tử tế, Lòng tốt, Trí tò mò, Hy vọng, Tình yêu học tập....)
- Giáo dục cảm xúc cho trẻ dựa trên Lý thuyết về xây dựng và mở rộng cảm xúc tích cực
- Kết hợp triết lý Giáo dục tích cực và Phương pháp giáo dục Montessori.

Chúng tôi hy vọng rằng trong tương lai khi chương trình này có những bằng chứng xác thực về hiệu quả của nó sau khi trải qua những quá trình thích nghi, cải tiến sẽ có thể công bố tới cộng đồng và nghiên cứu cách thức nhân rộng mô hình giáo dục Nhân văn và Hiệu quả này ra các trường học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân như các nước "láng giềng" của chúng ta đã và đang làm được. Bởi cốt lõi của giáo dục là gì? Phải chăng là để kiến tạo ra những cá nhân Hạnh phúc?

---

6 Howard Gardner (1943 - …) là giáo sư tại trường Đại học Harvard, cha đẻ của thuyết Đa trí thông minh.

7 Peterson, C., Park, N., & Seligman (2006). Greater strengths of character and recovery from illness. Journal of Positive Psychology, 1, 17-26.
Park, N., Peterson, C., & Seligman, M. E. P. (2004). Strengths of character and well-being. Journal of Social and Clinical Psychology, 23, 603-619.

8 Website chính thức dự án Cánh diều: https://canhdieuproject.wordpress.com/

https://tieulun.hopto.org

CUỘC TRANH CÃI KINH ĐIỂN: BẨM SINH HAY NUÔI DƯỠNG?

Kendra Cherry
Chu Thị Như Trang[1] *dịch*

Bẩm sinh hay nuôi dưỡng là một trong những cuộc tranh luận triết học lâu đời nhất trong tâm lý học. Vậy thực sự người ta đang tranh luận về cái gì?

Bẩm sinh bao gồm tất cả các yếu tố về gen và di truyền quy định việc chúng ta sẽ là ai – từ các đặc điểm cơ thể, ngoại hình đến các đặc điểm tính cách.

Nuôi dưỡng là sự tổng hợp tất cả các yếu tố về môi trường sống quyết định chúng ta là ai, bao gồm các trải nghiệm thời thơ ấu, chúng ta được nuôi lớn như thế nào, các mối quan hệ xã hội, và văn hóa nơi ta sinh sống.

Thậm chí hiện nay, các phân ngành của tâm lý học thường chọn ủng hộ một trong hai luồng yếu tố này. Ví dụ, ngành tâm sinh lý học có xu hướng nhấn mạnh vai trò của di truyền và sự ảnh hưởng của các đặc tính sinh học. Ngược lại, ngành tâm lý học hành vi lại tập trung vào các tác động của môi trường sống lên hành vi.

Cận cảnh cuộc tranh luận giữa bẩm sinh và nuôi dưỡng.

Bẩm sinh và môi trường, cái nào ảnh hưởng lên hành vi nhiều hơn? Tính cách con người được hình thành do các đặc tính bẩm sinh hơn hay do các trải nghiệm trong cuộc sống? Bẩm sinh hay nuôi dưỡng là một trong những vấn đề tranh luận cổ xưa nhất trong tâm lý học. Cuộc tranh luận tập trung chủ yếu vào mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố lên sự phát triển của con người.

Một số triết gia như Plato và Descartes cho rằng mỗi người có một số đặc tính mang tính bẩm

1 Chu Thị Như Trang - ĐH Y Dược Tp Hồ Chí Minh

https://tieulun.hopto.org

sinh, nói cách khác chúng xuất hiện một cách tự nhiên chứ không phụ thuộc vào môi trường sống. Các nhà tự nhiên học cũng đồng quan điểm là tất cả hay hầu hết hành vi và đặc tính là kết quả của di truyền.

Những người ủng hộ quan điểm này tin rằng tất cả các đặc tính và hành vi của chúng ta là do tiến hóa mà thành. Các đặc tính của bố mẹ được di truyền đến đời con, tác động và khiến mỗi người trở thành một cá thể đặc biệt, duy nhất.

Ngược lại, nhà tư tưởng nổi tiếng John Locke coi tâm trí con người là "tabula rasa" (tấm bảng trắng), hoàn toàn chưa có nội dung.

Theo đó, tất cả những gì thuộc về con người chúng ta và cả những tri thức mà ta sử dụng đều do trải nghiệm mà ra.

Những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm ủng hộ quan điểm cho rằng tất cả hay hầu hết các đặc tính đều do học tập mà nên. Thuyết hành vi là một ví dụ điển hình có gốc rễ từ thuyết kinh nghiệm. Người theo thuyết hành vi tin rằng tất cả các hành động và hành vi đều là kết quả của điều kiện hóa. John B. Watson cho rằng con người có thể học tập để làm một thứ gì đó, trở thành một ai đó mà không phụ thuộc vào gen hay di truyền.

Các ví dụ về bẩm sinh và nuôi dưỡng.

Một người có thành tích học tập xuất sắc là do họ có sẵn gen thông minh hay do môi trường giao dục tốt? Một người bạo hành vợ con là vì anh này sinh ra đã có xu hướng bạo lực hay do anh ta học thói bạo lực từ cha mẹ?

Một số ví dụ về bẩm sinh có thể bao gồm di truyền về bệnh tật, màu da, màu mắt, màu tóc. Những khía cạnh khác như tuổi thọ và chiều cao phần nhiều cũng do di truyền, nhưng chúng vẫn chịu ảnh hưởng từ môi trường và lối sống.

Một ví dụ về thuyết tự nhiên trong tâm lý học là Bộ phận Hấp Thụ Ngôn Ngữ (LAD) trong não, khởi xướng bởi nhà ngôn ngữ học Chomsky. Theo ông, tất cả mọi đứa trẻ đều có một khả năng trí tuệ bẩm sinh trong việc học và hấp thu ngôn ngữ.

Ảnh: Thí nghiệm búp bê Bobo

https://tieulun.hopto.org

Ảnh: Trại tuyển chọn giống người của Đức Quốc xã

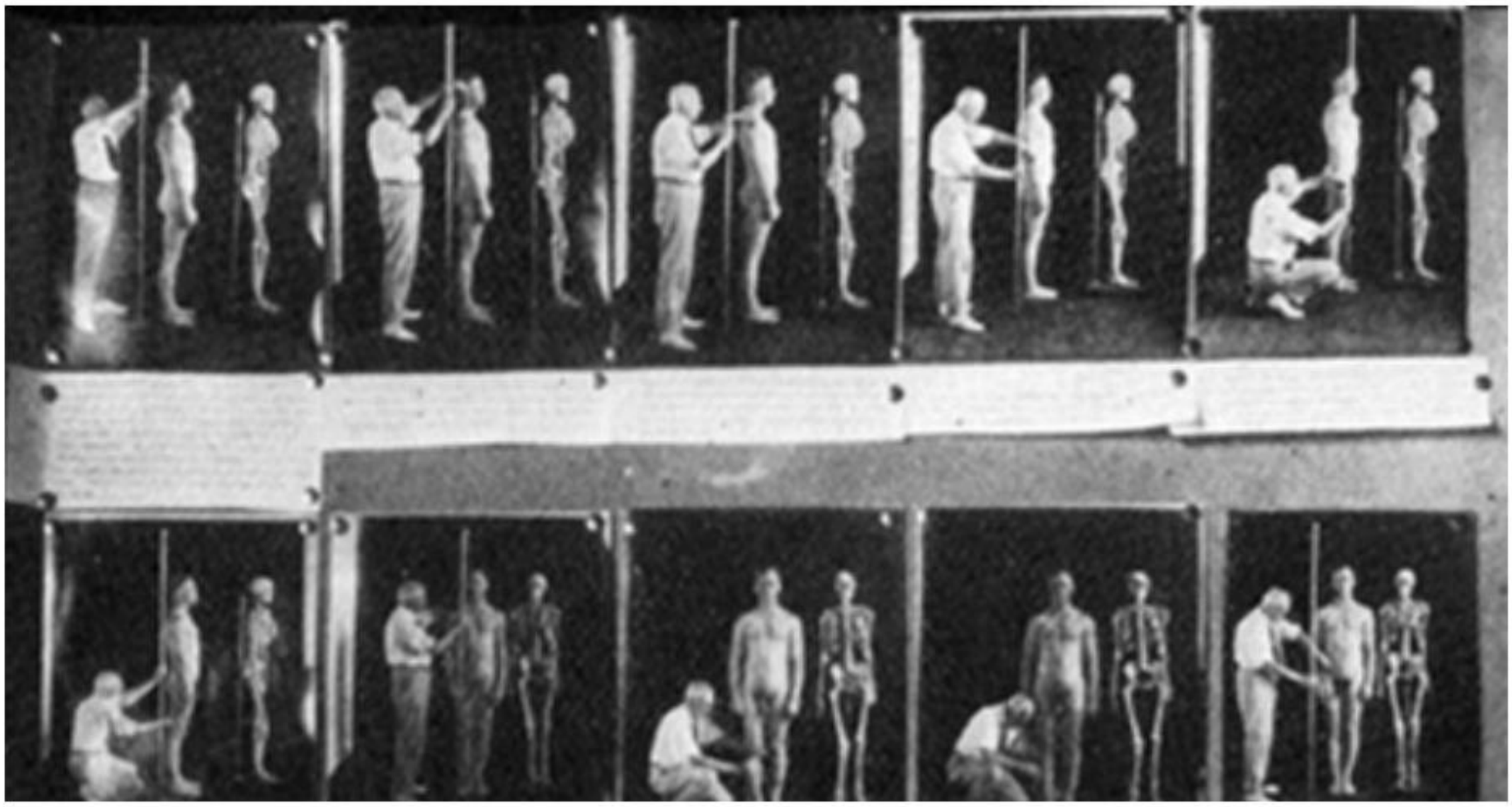

Một số đặc tính khác lại có gắn kết chặt chẽ với môi trường sống. Cách một người ứng xử có thể có liên quan đến cách mà cha mẹ đã dạy dỗ họ hoặc do họ tự đúc rút trong quá trình sống. Ví dụ, một đứa trẻ có thể học nói những câu như "làm ơn" và "cám ơn" thông qua quan sát và củng cố theo thời gian. Một đứa trẻ khác học kiểu cư xử hung hăng từ việc thấy những anh chị khác gây gổ nhau trong lúc chơi đùa.

Một ví dụ về thuyết kinh nghiệm là Học thuyết học tập xã hội của Albert Bandura. Theo học thuyết này, con người ta học tập thông qua việc quan sát hành vi của người khác. Trong thí nghiệm búp bê Bobo nổi tiếng của mình, Bandura đã mô tả rằng trẻ có thể hành xử hung hăng đơn giản chỉ bằng việc quan sát hành vi đó từ người khác.

Bẩm sinh và Nuôi dưỡng tương tác với nhau như thế nào?

Sau cùng thì bất cứ nhà khoa học nào cũng sẽ nhận ra sự tương tác giữa di truyền và môi trường mới là yếu tố quan trọng nhất. Kevin Davies đã mô tả một ví dụ hết sức thú vị về hiện tượng này.

Khả năng cảm âm là khả năng nhận diện nốt nhạc mà chỉ bằng tai nghe. Các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng đây là khả năng di truyền trong gia đình và tin rằng nó liên kết với một loại gen đặc biệt nào đó. Tuy nhiên, họ cũng phát hiện ra rằng sở hữu gen không thôi là chưa đủ. Thay vào đó, con người ta phải được học và tiếp xúc với âm nhạc từ bé thì khả năng di truyền này mới có thể phát triển trong tương lai được.

Chiều cao cũng là một ví dụ về một đặc tính bị ảnh hưởng bởi bẩm sinh lẫn di truyền. Một đứa trẻ được sinh ra từ một gia đình toàn người cao sẽ có khả năng thừa hưởng gen cao này. Tuy nhiên, nếu lớn lên trong một môi trường thiếu thốn, không đủ dinh dưỡng phù hợp thì đứa trẻ có thể sẽ chẳng bao giờ đạt được chiều cao như khi được nuôi dưỡng trong một môi trường sung túc hơn.

Các quan điểm hiện nay về Tự nhiên và Nuôi dưỡng.

Cuộc tranh luận về 2 yếu tố này vẫn làm dấy lên nhiều quan điểm trái chiều trong lịch sử ngành tâm lý. Ví dụ như câu chuyện về thuyết ưu sinh nổi tiếng cũng xuất nguồn từ những người ủng

https://tieulun.hopto.org

hộ học thuyết tự nhiên. Nhà tâm lý học Francis Galton, em họ của nhà bác học Charles Darwin, người tạo ra các khái niệm về "bẩm sinh" (nature), "nuôi dưỡng" (nurture) và thuyết ưu sinh (eugenics), tin rằng ta nên khuyến khích những người có trí tuệ vượt trội kết hôn và sinh con, còn những người kém thông minh hay chậm phát triển về trí tuệ thì không nên tham gia vào quá trình sinh sản duy trì nòi giống.

Ngày nay, hầu hết các chuyên gia đều tin rằng cả bẩm sinh lẫn nuôi dưỡng đều tác động đến hành vi và sự phát triển của con người. Tuy nhiên, tranh cãi vẫn xuất hiện trong nhiều lĩnh vực, đơn cử như các ý kiến trái chiều về nguồn gốc của đồng tính và sự ảnh hưởng của nó lên trí thông minh. Trong khi một số ít người tin tưởng hoàn toàn và cực đoan vào thuyết tự nhiên, các nhà nghiên cứu và các chuyên gia vẫn tin tưởng vào sự tác động của cả 2 yếu tố, chỉ là họ vẫn bất đồng về mức độ tác động nhiều hay ít của mỗi yếu tố mà thôi.

Dần dần con người ta cũng nhận ra việc cứ mãi đi tìm câu giải đáp cho câu hỏi giữa di truyền và môi trường, cái nào ảnh hưởng nhiều hơn cái nào là không còn hiệu quả. Thực tế là không có câu trả lời cho vấn đề vốn đã quá nhiều phức tạp này. Phức tạp ở chỗ các yếu tố di truyền sẽ tác động lẫn nhau, các yếu tố môi trường như trải nghiệm xã hội và bối cảnh văn hóa cũng sẽ tác động lẫn nhau, cũng như di truyền và môi trường cũng sẽ hòa lẫn vào nhau. Thay vào đó, nhiều người hiện nay đã tập trung hơn vào việc nghiên cứu sự điều chỉnh, tác động của gen lên các yếu tố môi trường.

https://tieulun.hopto.org

Giá trị của Tình bạn đối với Giáo dục

Phim Dead Poets Society (1989)

Robert Michael Ruehl[1]
Diệu Nguyễn *dịch*[2]

Giá trị của Tình bạn

Các triết gia phương Tây đã và đang nhiệt thành đề cao giá trị của tình bạn. Mặc dù một vài trí thức như Thomas Hobbes và Søren Kierkegaard vẫn tỏ ra nghi ngại về giá trị mà tình bạn mang lại, nhưng có một thực tế không thể phủ nhận là tình bạn đã truyền cảm hứng cho rất nhiều học giả khác như Aristotle, Francis Bacon, C.S. Lewis, và Mary E. Hunt, những người luônquý trọng giá trị mà tình bạn mang lại, trong đó, đặc biệt nhất là sự soi chiếu lẫn nhau, từ đó giúp nuôi dưỡng bản thể tốt đẹp nhất trong mỗi con người.

Thời đại ngày nay dường như không tôn vinh giá trị của tình bạn như xưa, và điều này có thể được nhìn thấy dưới góc nhìn từ giáo dục đại học. Ngày nay, rất nhiều nỗ lực được tạo ra nhằm mang hơi thở kinh doanh vào trong các trường đại học, có thể thấy rằng, các bài kiểm tra đánh giá cuối khóa hay các dữ liệu phân tích chi phí - lợi ích đã trở thành trung tâm của sự chú ý. Chất lượng giáo dục được bởi biểu thị bằng thứ ngôn ngữ thống kê như tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp - những tiêu chí trở thành điểm hấp dẫn nhất thu hút sinh viên tiềm năng trong tương lai. Mối quan hệ giữa các nhà giáo cũng chịu ảnh hưởng từ môi trường đó. Thị trường học thuật cạnh tranh, các khoa cần số liệu chứng minh thành tích của tập thể mình và, dù trực tiếp hay gián tiếp trên giấy tờ, sự phê bình lẫn nhau thường mang tính chất đấu đá hơn là xây dựng. Mục đích tranh luận dường như là để thắng thế trong cuộc đấu trí mang về danh tiếng. Số lượng dần làm lu mờ chất lượng và giáo dục đại học đang đối mặt với nguy cơ thất bại trong việc gắn kết và truyền cảm hứng cho học sinh và giáo viên dành trọn nỗ lực để trở nên tốt hơn. Đã đến lúc chúng ta cùng ngẫm lại về vai trò của người thầy, về mối quan hệ giữa thầy và trò hay giữa những người đồng nghiệp trong trường đại học. Từ góc nhìn cá nhân, tôi đề xuất lựa chọn một triết lý giáo dục lấy tình bạn làm nền tảng để nuôi dưỡng một cộng đồng trí thức giàu yêu thương và tương trợ.

Có những cách hiểu khác nhau về vai trò của giáo dục. Dưới góc nhìn kinh tế, mục tiêu của giáo dục là giúp người học chuẩn bị cho công việc và nghề nghiệp, làm sao để có một chỗ đứng trong thị trường lao động. Nhưng từ một khía cạnh khác, giáo dục nhằm phát triển văn hóa tri thức, tập trung vào phát triển cá nhân hướng tới sự toàn vẹn, và giáo dục giúp mỗi người tận dụng tối đa các lĩnh vực kiến thức khác nhau để hoàn thiện nhân sinh. Trong bối cảnh ngày nay, bao nhiêu người thấy giáo dục đáng để đầu tư thì cũng bấy nhiêu người không hứng thú với giảng đường đại học. Khuôn viên trường học là nơi chứng kiến biết bao lo lắng, muộn phiền của sinh viên, những lần lạm dụng cồn và thuốc kích thích,

---

1 *Tiến sĩ Robert Michael Ruehl hiện là trợ lý giáo sư thỉnh giảng tại Khoa Triết học và giảng viên phụ đạo tại Trung tâm Writing Center thuộc St John Fisher College, thành phố Rochester, New York.*

2 Dịch từ Philosophy Now

https://tieulun.hopto.org

những vụ lạm dụng tình dục hay phân biệt chủng tộc. Các giáo sư đại học cũng đối mặt với nhiều vấn đề trên một bình diện khác. Giảng viên thiếu nhiệt huyết và không hài lòng với nghề; hay những người ký hợp đồng không xác định thời hạn không cảm thấy hạnh phúc, thiếu động lực và họ thể hiện nhiều trạng thái tiêu cực ở trên lớp bởi vì công việc không được đảm bảo. Việc tinh giản các phòng ban làm gia tăng trách nhiệm và giảm hỗ trợ đối với giảng viên. Hệ quả là nhiều nhà giáo thất vọng và lo lắng. Vậy thì, các môi trường học thuật cần được duy trì theo một cách khác, nhằm thúc đẩy các mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người; và chuyển mình thành một miền đất hứa của dạy, học và phát triển từng cá nhân và cả cộng đồng. Học thuyết về giáo dục lấy tình bạn làm nền tảng có lẽ là một câu trả lời cho nhu cầu đó. Dưới đây là 4 quan điểm về tình bạn tôi lựa chọn dành cho giáo dục đại học. Đi kèm với mỗi góc nhìn là giá trị và cách mà tình bạn sẽ giúp dịch chuyển quan điểm giáo dục từ kinh tế thị trường sang thuần túy tập trung phát huy tiềm năng của mỗi cá nhân.

Bốn quan điểm về Tình bạn

Aristotle (383 - 322 BC)
Quý ngài Tình bạn của Triết học phương Tây

Tình bạn giúp chúng ta phát triển nhân cách và sống một cuộc đời hạnh phúc.
Có 3 loại bạn bè:
- Useful friends (tạm dịch "bạn vị lợi")
- Friends of pleasure (tạm dịch "bạn mang lại niềm vui")
- Virtuous friends (tạm dịch "bạn vì điều thiện")

Nhóm sau cùng là mối quan hệ bạn bè tốt nhất. Trong đó, bạn bè yêu quý nhân cách của nhau, cùng quan tâm đến nhau, cùng nhau phát triển bản thân, cùng rèn luyện nhân sinh quan, tìm kiếm niềm vui và nuôi dưỡng tâm tâm hồn.
=> Dù sở hữu tất cả những của cải trên đời, không một ai có thể sống thiếu tình bạn.

Tình bạn là một phần tất yếu của cuộc sống.
3 giá trị của tình bạn:
- Giúp chúng ta tiếp tục vững bước khi đối mặt với những giai đoạn khó khăn, tưởng như vô vọng.
- Nuôi dưỡng sự bình an trong tâm hồn và khích lệ tinh thần khỏi những úa tàn vì gánh nặng cuộc sống
- Khuyến khích con người đưa ra những nhận định đúng đắn.

https://tieulun.hopto.org

C.S. Lewis (1898 - 1963)

Tình bạn (Philla) được luận giải trong mối tương quan với 3 tình cảm khác trong ngôn ngữ Hy Lạp:

- Eros (tình yêu lãng mạn, trai gái, thứ tình cảm vị kỷ)
- Agape (tình yêu những người hàng xóm, lòng bác ái cho tất thảy mọi người)
- Storage (lòng mến thương, cụ thể là tình thương của cha mẹ dành cho con cái)

Agape là nền tảng của tình bạn. Tình bạn là tình cảm giữa 2 hay nhiều người cùng kề vai sát cánh, được khơi dậy bởi, và cùng theo đuổi, một chân lý.

=> Tình bạn giúp chúng ta vượt qua giới hạn của bản thân bằng cách chia sẻ niềm vui, trải nghiệm và quá trình phát triển bản thân.

Tình bạn được nâng lên thành một hình mẫu và một mục tiêu cuộc đời. Vai trò của tình bạn càng nổi bật khi tình yêu hay hôn nhân thất bại.

Tình bạn được miêu tả bởi sự dịu dàng dữ dội.

- Dữ dội là khi ai đó nghiêm khắc nhận xét về sai lầm của bạn
- Dịu dàng là khi ai đó yêu hết mực với sự tận tâm bất kể thời gian, không gian và lòng thương yêu

Tình bạn được cấu thành từ:

- Hiện thân: khía cạnh sinh lý học của các mối quan hệ
- Duy linh: mối quan hệ giữa con người với cả thế giới?
- Tình yêu: cảm xúc và sự cam kết
- Sức mạnh: sức mạnh để thay đổi thế giới và những người xung quanh.

Tình bạn vượt ra khỏi ranh giới của hai người, trở thành phương tiện tạo ra những thay đổi tích cực trong xã hội: khuyến khích nhau cùng chống lại những bất công xã hội, hành động vì hòa bình, thông qua lăng kính tình bạn,... Với Mary Hunt, tình bạn mang đặc điểm chính trị.

Mary E. Hunt (1951 - ...)

Mang Tình bạn vào trong Giáo dục

Việc nghiêm túc đưa triết lý về tình bạn vào trong môi trường giáo dục cũng đồng nghĩa với việc chúng ta sẽ xa rời quan niệm đương đại gắn giáo dục với tỷ lệ có việc làm, với chủ nghĩa duy lý và việc học vẹt. Khi đó, tình bạn sẽ hướng sự quan tâm của chúng ta tới các mối quan hệ trong giáo dục, và đặt chúng vào trung tâm của môi trường học tập. Dù chủ thể của các mối quan hệ là ai (học sinh - học sinh, giáo viên - giáo viên hay học sinh - giáo viên), mô hình giáo dục lấy tình bạn làm điểm tựa nhấn mạnh cách mà những mối quan hệ này cởi mở hơn, hữu ích hơn và khuyến khích từng cá nhân trau dồi bản thân hơn. Nó dịch chuyển sự chú ý của chúng ta khỏi những đánh giá, những thống kê, khỏi nền kinh tế thuần về tiền bạc và những động cơ quyền lực không có giá trị tương hỗ; hướng chúng ta tới tiềm năng thực sự của mỗi cá nhân và quá trình chúng ta hoàn thiện bản thân, hướng tới sự công bằng. Vì thế, một triết lý giáo dục đề cao tình bạn trong trường đại học có thể giúp cả thầy và trò tập trung vào sứ mệnh giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; giúp nuôi dưỡng thứ cảm xúc tràn đầy giữa người với người; hướng chúng ta tới cùng một chân lý và hệ giá trị; hay khích lệ động viên con người theo đuổi ước mơ học thuật trên quãng đường dạy và học.

Học sinh đi học để đạt được những mục tiêu cụ thể: hoàn thiện bản thân, một công việc có thu nhập ổn định, hay những khát vọng của cả đời người. Nhà

https://tieulun.hopto.org

giáo dạy học bởi vì nghề dạy thú vị, có thu nhập ổn định và cho phép họ theo đuổi những ước mơ bên trong hay thậm chí vượt ra ngoài 4 bức tường lớp học. Nhưng giáo dục cũng không chỉ dừng lại ở những con số, câu chữ trong sách vở hay bài thi cuối khóa. Điều đáng bận tâm hơn là học để sống hạnh phúc trên mọi khía cạnh và trong mọi hoàn cảnh ta lỡ bước vô, hoặc chí ít, luôn nỗ lực để tốt hơn mỗi ngày. Quan điểm của Aristotle không đơn thuần đề cao thú vui mà tình bạn mang lại, mà trên hết, là sự tương hỗ có được trong mỗi lớp học. Học sinh trở thành người học hiểu biết hơn. Giáo viên trở thành nhà giáo tuyệt vời hơn. Cả thầy và trò trở thành những con người hoàn thiện hơn, sống một cuộc sống tròn đầy hơn. Cùng ngẫm lại về giáo dục dưới góc nhìn tình bạn của Aristotle, phải chăng, giáo dục là để nuôi dưỡng và khai mở bản chất tốt đẹp trong mỗi con người, dù là trong khuôn viên trường học, bước ra xã hội rộng lớn ngoài kia, hay khi trở về với mái ấm gia đình.

Các mối quan hệ trong cộng đồng giáo dục xảy ra giữa những cuộc đời có sự vất vả, khó khăn, nỗi sợ, niềm vui hay hi vọng riêng ẩn sâu bên trong. Tuy nhiên, phép lịch sự xã giao đơn thuần chỉ đưa ta tiếp xúc với bề nổi của tảng băng chìm. Nếu áp dụng quan điểm của Bacon về tình bạn, hệ thống giáo dục hẳn sẽ xóa được khoảng cách địa vị, quyền lực và tạo ra sự gắn kết sâu sắc hơn khi các thành viên của cộng đồng cùng đối mặt với thách thức từ cuộc sống. Thầy và trò trở thành bạn bè, giúp đỡ nhau giải quyết các vấn đề học thuật và ra quyết định. Rèn luyện tư duy phản biện hẳn nhiên là một phần quan trọng của giáo dục, và quá trình rèn luyện đó sẽ được thúc đẩy hiệu quả hơn nếu ta đưa tình bạn vào trong các mối quan hệ học đường. Khía cạnh cảm xúc của tình bạn nghe có vẻ không phù hợp trong mối quan hệ thầy trò và không cần thiết giữa đồng nghiệp. Liệu rằng cảm xúc có phải là điều đóng vai trò thứ yếu trong môi trường giáo dục (trừ trường hợp những học sinh ngỗ nghịch)? Bacon cho rằng tình bạn sẽ nuôi dưỡng một con người toàn diện - cả lý trí lẫn tâm hồn - để làm cân bằng cả cuộc sống và các mối quan hệ. Thay vì coi học tập chỉ như một quá trình tư duy rèn luyện tri thức, học sinh và giáo viên hãy thừa nhận và tôn vinh chiều sâu cảm xúc trong sự gắn kết giữa người với người.

C.S. Lewis quan tâm đến niềm hân hoan rộng mở mà những người bạn san sẻ với nhau trên hành trình cùng theo đuổi một lý tưởng, một chân lý. Mặc dù vẫn tồn tại nhiều khác biệt, bạn bè sẽ khơi dậy những tiềm năng khác nhau ẩn bên trong mỗi người, từ hành động, trí tuệ cho tới cảm xúc và tính hài hước. Tình bạn học đường hướng chúng ta đến một tầm nhìn chung của công bằng và đa dạng trong xã hội; sống một đời tươi đẹp và trở thành một công dân tốt. Thầy và trò trở nên thân quen trong lớp học, trong các hội trường, bên bàn ăn hay trên bàn họp với không khí hài hòa vì một mục tiêu chung.

Mary E. Hunt cho rằng không một khía cạnh nào của cuộc sống thiếu vắng tình bạn. Học sinh và giáo viên là những cá thể trực thuộc. Tình yêu sẽ tạo ra và tăng cường các mối quan hệ giáo dục: thay vì cạnh tranh và phân cấp bậc quyền lực, tình yêu sẽ mang đến lợi ích và truyền cảm hứng cho mỗi người. Hơn thế nữa, sự kết hợp tâm linh ở đây đồng nghĩa với việc: học tập sẽ vượt ra khỏi phạm vi của các mô hình kinh doanh giáo dục. Thay vào đó, giáo dục được xây dựng từ sự thấu hiểu giữa những mối tương quan bất tận bất của tri thức với những khía cạnh phong phú của cuộc đời. Sức mạnh trong giáo dục đồng nghĩa với việc dũng cảm theo đuổi con đường học vấn, hiểu những tác động của suy nghĩ và hành động và có thể lựa chọn được con đường hữu ích nhất bất chấp sự cản trở của những phong tục truyền thống bất công.

Có một sự thật phải thừa nhận là: Đưa tình bạn vào trong giáo dục không làm cho mọi thứ dễ dàng hơn. Trái lại, giáo dục sẽ trở nên thử thách hơn và mạo hiểm hơn. Trên nền tảng và giá trị của tình bạn, giáo dục sẽ mang trong mình sứ mệnh thay đổi con người và thế giới, khuyến khích tư duy vượt giới hạn và được duy trì bằng sự săn sóc và lòng dũng cảm. Giáo dục tập trung vào những mối quan hệ lành mạnh nuôi dưỡng tâm hồn. Đây là bước chuyển từ lượng sang chất và giá trị của tình bạn có thể được minh chứng bằng sự gia tăng niềm tin, lòng bác ái, đức tính cởi mở, sự thấu hiểu và lòng bao dung - những sợi dây gắn kết xã hội. Tình bạn thân thiết trong một xã hội lành mạnh luôn đi kèm với sự tôn trọng lẫn nhau và sức mạnh hóa giải xung đột thành những mối quan hệ hài hòa. Cơ hội việc làm và khả năng nắm bắt thị trường cũng sẽ tăng lên. Nhờ có những cộng đồng hạnh phúc, sự tương hỗ bền chặt cả trong lẫn ngoài trường học và cam kết sâu sắc với người dạy và người học, danh tiếng của trường sẽ vươn xa, hình ảnh trường trong mắt xã hội là một môi trường giàu năng lượng chuyển hóa tích cực.

Lời kết

Dễ dàng hiểu được tại sao các triết gia tôn thờ tình bạn: Đó là một mối quan hệ mở và giàu yêu thương dựa trên sự bình đẳng, quan tâm, cùng nhau tiến bộ, sự cam kết lâu dài và tình thương vô biên. Hãy nhớ lời của Aristotle trong tác phẩm Politics "*cộng đồng xã hội phụ thuộc vào tình bạn; khi chỉ có thù hận, con người thậm chí không thể cùng chung một con đường*". Cho nên sự ấm áp mà tình bạn mang lại là một phần tất yếu của một cuộc sống tươi đẹp, một xã hội văn minh gắn kết con người bền lâu. Từ Plato cho tới Hunt, tình bạn ngày càng được các triết gia tôn vinh bởi vì nó giúp con người tìm thấy những gì tốt đẹp nhất trong mình. Đặt tình bạn vào trọng tâm của giáo dục, mỗi lớp học và toàn thể cộng đồng sẽ trở thành những môi trường nhân văn hơn và khuyến khích con người phát triển các khía cạnh cuộc sống đa dạng hơn. Giáo dục đại học cần thay đổi. Nhờ nuôi dưỡng tình bạn, giáo dục trở về đúng bản chất của giáo dục bằng sự tôn vinh và phát huy tiềm năng riêng biệt trong mỗi thành viên cộng đồng.

https://tieulun.hopto.org

Khai sinh nhà đổi mới Creating Innovators

- Tony Wagner, 2012
Hoàng Anh Đức *giới thiệu*

© Tonnywagner.com

Ngày nay, chúng ta thấy sự xuất hiện của từ đổi mới với tần suất dày hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng, ở tất cả các lĩnh vực từ giáo dục, kinh tế tới chính trị, thậm chí cả giải trí. Thế nhưng, một nghịch lý đáng buồn là những nhà **sáng tạo** nổi danh đều trở thành nhà **sáng tạo** một cách ngẫu nhiên, thậm chí có phần hú hoạ, thay vì được đào tạo một cách bài bản trong trường lớp. Nghịch lý này liệu sẽ còn tồn tại bao lâu và có trở nên phức tạp hơn nữa?

Khai sinh nhà đổi mới (tên gốc "*Creating Innovators*") là một cuốn sách hay về chủ đề giáo dục. Nếu bạn đã quá nhàm chán với những câu hỏi muôn đời như: "Làm thế nào để học sinh vào được trường đại học tốt nhất?", hay "Làm thế nào để các em có được nghề nghiệp tốt nhất?", cuốn sách này hứa hẹn sẽ mang lại điều thú vị Tony Wagner đã quan sát những ngành nghề không có sự đổi mới, và thấy rằng chúng rất dễ bị tự động hoá. Vậy, tại sao ta lại mất công để học trò phải chuẩn bị cho những thứ dễ bị thay thế trong phút chốc? Thay vì thế, hãy giúp chúng trở thành những **người đổi mới**.

Tony Wagner là học giả đầu tiên tại Trung tâm Công nghệ và Khởi nghiệp (Technology and Entrepreneurship Center) của Đại học Harvard. Ông có một vài tựa sách về giáo dục, trong số đó, "The Global Achievement Gap" và "Creating Innovators" phù hợp để tương hỗ nhau bởi những chủ đề vĩ mô, đa góc cạnh nhưng chi tiết.

Nhà đổi mới là thuật ngữ mà Tony dùng để chỉ những người có khả năng sáng tạo. Đề cập đến việc đào tạo ra các **nhà đổi mới**, ông đã mô tả một cuộc khủng hoảng ở hầu hết các quốc gia: Nền giáo dục cần thích nghi với sự thay đổi của xã hội, do đó, luôn luôn phải đổi mới, sáng tạo. Từ đó, Tony đưa ra quan điểm của mình một cách có hệ thống, khám phá những gì mà cha mẹ, giáo viên và cả những người sử dụng lao động cần phải làm để phát triển năng lực của những người trẻ tuổi, nuôi dưỡng họ thành những **nhà đổi mới**. Phương châm mà Tony đề ra không phải quá xa lạ mà ngày càng hiện hữu thường xuyên hơn: "Thay vì tập trung vào các phương thức sản xuất công nghiệp (mà xuất phát điểm là các bài kiểm tra chuẩn hoá), ta nên đầu tư nhiều hơn vào việc tạo ra niềm vui, niềm đam mê và mục đích trong cuộc sống cho người học".

https://tieulun.hopto.org

Cuốn sách không nhằm tạo ra kiến thức mới. Bằng việc phỏng vấn các nhà đổi mới, nhà lãnh đạo, nhà tư tưởng và cả những nhà giáo đang tiếp xúc với sự đổi mới trong trường học, Tony đưa vào từng trang sách sứ mệnh khơi nguồn cảm hứng để tạo đổi mới ở bất cứ đâu, với bất kỳ ai. Tại sao đổi mới lại quan trọng với các quốc gia, các tổ chức, và cả từng cá nhân? Chúng ta có thể tham gia vào quá trình đổi mới ngay từ bây giờ bằng cách nào? Câu trả lời sẽ được tìm thấy trong cuốn sách, thông qua câu chuyền từ những **nhà đổi mới** mà Tony đã tiếp xúc, như: Annamarie Neal (Giám đốc Phát triển tài năng, Phó Chủ tịch Trung tâm Lãnh đạo Cộng tác Cisco), David Kelley (Nhà Sáng lập IDEO và Trường Thiết kế Stanford), Joost Bonsen (Giảng viên tại P Phòng nghiên cứu Truyền thông Đa phương tiện tại MIT), David Edwards (Sáng lập Phòng nghiên cứu Chuyển hoá ý tưởng tại Harvard).

Bên cạnh đó, cuốn sách cũng bàn luận về các mô hình vận hành, cấu trúc của trường học hiện có và thách thức chúng trong bối cảnh tương lai của sự đổi mới. Một xã hội sáng tạo liên tục sẽ trông như thế nào? Và thậm chí, chúng ta có cần đến **trường học** nữa không?

Tác giả đưa ra 5 thành tố cơ bản của hệ thống **Giáo dục sự đổi mới** (Education for Innovation), bao gồm:

1. Cộng tác thay vì ganh đua (Collaboration v/s Individual Achievement)
2. Học tập liên ngành thay vì học tập chuyên ngành (Multidisciplinary Learning v/s Specialization)
3. Thử nghiệm và thất bại, thay vì lảng tránh rủi ro (Trial and error v/s Risk avoidance)
4. (Chủ động) Làm ra, thay vì (Thụ động) hưởng thụ (Creating v/s Consuming)
5. Động lực nội tại, thay vì động lực ngoại lai (Intrinsic vs/ Extrinsic Motivation)

Ở những trang sách tiesp theo, Tony Wagner nhấn mạnh tới chiến lược giáo dục của Phần Lan, trong đó, mục tiêu của giáo dục tại đất nước này là biến đổi quốc gia thành một trong những nền kinh tế sáng tạo nhất thế giới chỉ trong vài thập kỷ. Độc giả có thể tham khảo thêm bộ phim tài liệu được thực hiện 1 năm trước khi cuốn sách ra đời: *Hiện tượng Phần Lan: Bên trong Hệ thống trường học đáng ngạc nhiên nhất thế giới* (The Finland Phenomenon: Inside The World's Most Surprising School System) do chính tác giả cùng thực hiện với Bob Compton.

Nghịch lý giữa cơ chế và thực tiễn giáo dục ở các nước phát triển như Mỹ và Châu Âu không có nhiều khác biệt so với tại Việt Nam. Một mặt, người làm chính sách muốn phát triển những chương trình "chính thống" và chuẩn mực để đánh giá thành quả học tập từ mầm non tới hết phổ thông. Mặt khác, trường học cần sự đổi mới, sáng tạo, trao quyền để giáo viên chủ động đem lại những dự án thực hành và những khoá học liên ngành (hay ở ta gọi là những bài học tích hợp). Ngày nay, để khuyến khích học sinh khám phá và sáng tạo, nhà giáo cần phải thực sự chú tâm trong việc tạo ra môi trường học tập đổi mới. Thế nhưng, chúng ta cũng không thể hoàn toàn phó thác chuyện đó lên đôi vai một người thầy. Văn hoá học đường là một sự tổng hoà, và chỉ có thể được xây dựng bởi nỗ lực và cảm hứng từ cả tập thể và cộng đồng xã hội.

Nghịch lý giữa cơ chế và thực tiễn giáo dục ở các nước phát triển như Mỹ và Châu Âu không có nhiều khác biệt so với tại Việt Nam

https://tieulun.hopto.org

Cộng đồng Phát triển Năng lực Giáo viên - Hội đồng Anh

Đặng Thanh Giang *Tổng hợp*[1]

Tuy còn nhiều tranh cãi giữa phụ huynh, giáo viên, các nhà nghiên cứu, chính trị gia và các bên liên quan khác về con đường tốt nhất để cải thiện chất lượng giáo viên, tất cả đều cho rằng phát triển giáo viên là yếu tố mấu chốt để cải thiện kết quả học tập.

Một trong những vấn đề lớn nhất trong đào tạo giáo viên (teacher education) là quá trình này thường dừng lại một khi giáo viên được đánh giá có đủ điều kiện giảng dạy. Quan niệm sai lầm này rất phổ biến, thậm chí ngay cả trong cộng đồng giáo viên. Tuy nhiên, hơn bao giờ hết, giáo viên ngày nay đang chịu áp lực rất lớn trong việc dẫn dắt học sinh trên hành trình tri thức. Áp lực này xuất phát từ mọi hướng: phụ huynh, đồng nghiệp, ban giám hiệu, các cơ sở đào tạo đại học, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và quốc gia, phương tiện truyền thông và tất nhiên là người học. Thật vậy, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) gần đây đã tuyên bố rằng "Giáo viên là người có quyền và sức ảnh hưởng cao nhất trong việc tạo ra công bằng, mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao chất lượng trong giáo dục." Cần phải thống nhất ngay từ đầu rằng sự đào tạo mà giáo viên nhận được trong thời gian trước khi làm việc chỉ là một bước nhỏ trong nhiều công đoạn trải dài suốt sự nghiệp của họ.

Đào tạo trước hành nghề (pre-service teacher education)

Đa phần mọi người vẫn giữ quan niệm truyền thống rằng đào tạo giáo viên chỉ nằm ở giai đoạn trước khi hành nghề. Đào tạo giáo viên trước hành nghề là chương trình giáo dục và tập huấn mà sinh viên nhận được trước khi làm việc với tư cách giáo viên. Các chương trình đào tạo trước hành nghề có thể khác nhau tùy thuộc vào

1 Tổng hợp từ *Sổ tay kế hoạch phát triển năng lực giáo viên* và website *Cộng đồng phát triển năng lực giáo viên của Hội đồng Anh*

https://tieulun.hopto.org

địa điểm và mục tiêu đào tạo giáo viên tiểu học hay trung học, nhưng thường có những thành phần chung như sau:

• Kiến thức nội dung bài học
• Kiến thức sư phạm (phương pháp giảng dạy và đánh giá học tập)
• Hiểu về cách trẻ học (phát triển nhận thức và xã hội)
• Thực tập giảng dạy (cơ hội thực hành giảng dạy dưới sự giám sát của giáo viên/ giảng viên).

Giáo viên thường đánh giá cao đào tạo trước hành nghề vì nó tạo ra nền tảng nhận thức về việc trở thành giáo viên và cung cấp cho họ hành trang cơ bản để bước vào nghề giảng dạy.

Đào tạo khi hành nghề (in-service teacher education)

Đào tạo khi hành nghề được hiểu là việc nâng cao năng lực cho cho những giáo viên đã đủ tiêu chuẩn đứng trên bục giảng. Thuật ngữ này bao gồm tất cả các chương trình mang tính giáo dục và xã hội, cả chính thức và không chính thức, cũng như tất cả các khóa học chuyên môn, chuyến thăm quan học hỏi mà một giáo viên thực hiện để cải thiện, nâng cao kiến thức và kĩ năng sư phạm của mình. Nó có thể bao gồm nhiều hình thức khác nhau như:

• Workshop (thực hành)
• Seminar (Thuyết trình chuyên đề)
• Các khóa học bồi dưỡng
• Hội thảo
• Tham quan trường học
• Dự giờ

Ngoài ra, các hoạt động nâng cao năng lực giáo viên không vận hành bởi các tổ chức chính phủ cũng bắt đầu phát triển mạnh mẽ:

• Cố vấn (mentoring)
• Hỗ trợ đồng nghiệp (peer support)
• Nhóm hoạt động của giáo viên
• Nhóm nghiên cứu của giáo viên
• Thảo luận chuyên đề (symposium)

Trong cùng một quốc gia, giáo viên ở các thành phố lớn thường có nhiều cơ hội để tham gia các hoạt động này, trong khi đồng nghiệp của họ ở các nơi khác bị hạn chế hoặc hoàn toàn không có điều kiện tiếp cận. Đây cũng là một yếu tố tạo ra độ chênh về chất lượng trải nghiệm của người học dù chương trình giảng dạy là giống nhau.

Vai trò của chuyên gia đào tạo giáo viên

Trong những năm gần đây, đào tạo giáo viên đã đạt dành được sự quan tâm đặc biệt và được coi là yếu tố quan trọng trong việc cải thiện hệ thống giáo dục và kết quả học tập của trẻ em. Trọng tâm của bất kỳ hệ thống phát triển năng lực giáo viên nào cũng là những người đào tạo giáo viên (teacher educators) - một vị trí chuyên môn với vai trò chưa thực sự rõ ràng như vai trò của giáo viên. Họ có thể là những giáo viên thực hiện các workshop tập huấn cho đồng nghiệp, những giáo viên dẫn dắt những đồng nghiệp mới hoặc kém kinh nghiệm hơn hoặc các giảng viên toàn thời gian và nhà tư vấn giáo dục cấp cao.

Người đào tạo giáo viên cùng lúc đảm đương nhiều nhiệm vụ, tùy thuộc vào nhu cầu của các giáo viên mà họ làm việc cùng và bối cảnh làm việc. Một người đào tạo giáo viên có kinh nghiệm có thể thực hiện linh hoạt các vai trò người tập huấn (trainer), người hướng dẫn (mentor), huấn luyện viên (coach), người quan sát (observer), người đánh giá (evaluator) và cố vấn (facilitator).

Cộng đồng phát triển năng lực giáo viên

Cộng đồng phát triển năng lực giáo viên (Teacher Educator Community) là website được phát triển bởi Hội đồng Anh (British Council) nhằm tạo ra không gian giúp người đào tạo giáo viên có cơ hội trao đổi kiến thức và thực hành các kĩ năng liên quan đến công việc của mình.

https://tieulun.hopto.org

Website cung cấp nguồn tài nguyên mở phong phú cho cộng đồng gồm những tài liệu được dày công nghiên cứu và biên soạn như *Sổ tay kế hoạch phát triển năng lực giáo viên* (Teacher education planning handbook), *Bộ khung Cập nhật kiến thức chuyên môn thường xuyên dành cho đào tạo giáo viên* (Continuing Professional Development (CPD) Framework for teacher educators)... Ngoài ra còn các bài nghiên cứu, báo cáo, tư liệu nghe nhìn liên quan đến chủ đề phát triển năng lực cho giáo viên của Hội đồng Anh và các tổ chức uy tín trên thế giới được liệt kê theo đề mục để người đọc dễ dàng tìm kiếm.

Bên cạnh đó, *Cộng đồng phát triển năng lực giáo viên* còn là diễn đàn để người tham gia làm quen và trao đổi các vấn đề chuyên môn. Dựa vào các tư liệu gợi mở (tài liệu nghiên cứu/ loạt bài báo của chuyên gia/ video giới thiệu), người tham gia sẽ thảo luận trên từng chủ đề thiết thực: Làm việc với giáo viên qua workshop (lên kế hoạch và thực hiện các workshop cho giáo viên), Nhóm hoạt động của giáo viên (tổ chức các nhóm hoạt động để nâng cao năng lực giáo viên), Tự nhận thức về đào tạo giáo viên (các kĩ năng quan trọng cho người đào tạo giáo viên)... Có thể nói, *Cộng đồng phát triển năng lực giáo viên*[2] là điểm kết nối người làm giáo dục, giới thiệu và phát huy hiệu quả các hoạt động nghiên cứu chuyên môn và hội nghị, chuyên đề trực tuyến/ ngoại tuyến của Hội đồng Anh. Đây là một địa chỉ hữu ích mà các nhà quản lý, nghiên cứu, thực hành giáo dục nên ghé thăm để có tầm nhìn rộng hơn và giao lưu với cộng đồng sư phạm ở khắp nơi trên thế giới.

2 *teacher-educators.english.britishcouncil.org*

https://tieulun.hopto.org

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Nguyễn Minh Thành | Viện KHGD - ĐHSP Quý Châu

Phạm Bảo Đức | THCS Nguyễn Du - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Nguyễn Thị Hải Diệu | Wise Consulting Finland

Hoàng Giang Quỳnh Anh | Học viện Agile

Bạch Dương | BetterCre

Nguyễn An Quyên | IvyPrep Education

Ứng Minh Tuấn | THCS Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội

Trần Trung Hà | ĐH Melbourne

Ngô Huy Tâm | Cleverlearn

Khách mời

Chu Thị Như Trang | Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh

Logo | **Hà Dũng Hiệp**

Chế bản | **Quách Anh**

Liên hệ: bientap@day-hoc.org

DOTANK

https://tieulun.hopto.org

Day & học

Số 1 | tháng 7 - 2018
Ban Biên tập Lộn xộn

“Học để Dạy,
và Dạy để Học

https://tieulun.hopto.org